

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

**BẢN CÁO BẠCH**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A**

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 ( số cũ 3903000124) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 12 năm 2013 )

**NIÊM YẾT CỔ PHIẾU**  
**TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**  
**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

(Quyết định đăng ký niêm yết số: .../QĐ-SGDHCM do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày... tháng... năm...)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày .... tháng.....năm ..... tại:

**TỔ CHỨC ĐĂNG KÝ**



Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A

Địa chỉ : 650 Lê Duẩn, phường Thắng Lợi, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

Điện thoại : (84.59) 3756096

Fax: (84.59) 3756097

Website : <http://www.sesan4a.com.vn>

**TỔ CHỨC TƯ VẤN**



Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

Trụ sở chính: Tầng 10-11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722

Fax: (84.4) 22200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

Chi nhánh: Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886

Fax: (84.8) 38218510

**Phụ trách công bố thông tin**

Ông : Nguyễn Bình

Điện thoại : (84.59) 3756096

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Fax: (84.59) 3756097

# CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A

(Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 (số cũ 3903000124) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp ngày 15/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2013)

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

<b>Tên cổ phiếu</b>	: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
<b>Loại cổ phiếu</b>	: Cổ phiếu phổ thông
<b>Mã cổ phiếu</b>	: S4A
<b>Mệnh giá</b>	: 10.000 đồng/cổ phiếu
<b>Tổng số lượng niêm yết</b>	: <b>42.200.000 cổ phiếu</b> (Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn cổ phiếu)
<b>Tổng giá trị niêm yết</b> (theo mệnh giá)	: <b>422.000.000.000 đồng</b> (Bốn trăm hai mươi hai tỷ đồng)

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

**Trụ sở chính** : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

**Chi nhánh** : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Địa chỉ** : Lô 70-80, Đường 30 Tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại : (84.511) 3655886 Fax: (84.511) 3655887

Website : [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)

## MỤC LỤC

<b>PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>1</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	1
2. Rủi ro về lãi suất.....	1
3. Rủi ro về tỷ giá.....	2
4. Rủi ro về luật pháp .....	2
5. Rủi ro đặc thù ngành .....	2
6. Rủi ro khác .....	3
<b>PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>	<b>4</b>
1. Tổ chức niêm yết.....	4
2. Tổ chức tư vấn.....	4
<b>PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>	<b>5</b>
<b>PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>	<b>6</b>
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển .....	6
1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết .....	6
1.2. Ngành nghề kinh doanh.....	6
1.3. Quá trình hình thành và phát triển.....	7
1.4. Quá trình tăng vốn .....	8
2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty.....	9
2.1. Cơ cấu tổ chức .....	9
2.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.....	5
3. Danh sách cổ đông lớn và Cơ cấu cổ đông .....	12
3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên.....	12
3.2. Cơ cấu cổ đông.....	13
3.3. Danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ.....	13
4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết.....	13
4.1. Danh sách Công ty mẹ của Sê San 4A.....	14
4.2. Danh sách các công ty con của Sê San 4A.....	14
4.3. Danh sách Công ty mà của Sê San 4A nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối .	14
4.4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối đối với của Sê San 4A.....	14
4.5. Danh sách công ty liên kết của Sê San 4A.....	14
5. Hoạt động kinh doanh .....	14
5.1. Sản phẩm kinh doanh chính .....	14
5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm .....	15
5.3. Nguyên liệu đầu vào.....	16
5.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.....	17
5.5. Trình độ sản xuất, công nghệ .....	19
5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ.....	20
5.7. Hoạt động Marketing .....	20
5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền.....	21

5.9.	Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết.....	21
6.	Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2013 đến nay.....	22
6.1.	Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất.....	22
6.2.	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo.....	23
7.	Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành.....	24
7.1.	Vị thế của công ty trong ngành.....	24
7.2.	Triển vọng phát triển của ngành.....	25
7.3.	So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành.....	26
7.4.	Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.....	27
8.	Chính sách đối với người lao động.....	27
8.1.	Số lượng và cơ cấu lao động.....	27
8.2.	Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp.....	28
9.	Chính sách cổ tức.....	29
10.	Tình hình hoạt động tài chính.....	29
10.1.	Các chỉ tiêu cơ bản.....	29
10.2.	Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	32
11.	Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD và Kế toán trưởng.....	33
11.1.	Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị.....	33
11.2.	Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát.....	38
11.3.	Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGD và KTT.....	42
12.	Tài sản.....	44
13.	Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo.....	45
14.	Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức.....	47
15.	Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết.....	47
16.	Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết.....	47
<b>PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT.....</b>		<b>48</b>
1.	Loại chứng khoán.....	48
2.	Mệnh giá.....	48
3.	Tổng số chứng khoán niêm yết.....	48
4.	Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết.....	48
5.	Phương pháp tính giá.....	49
6.	Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài.....	51
7.	Các loại thuế có liên quan.....	52
<b>PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>		<b>56</b>
<b>PHẦN 7. PHỤ LỤC.....</b>		<b>57</b>

## DANH MỤC CÁC BẢNG BIỂU

Bảng 1: Chặng đường phát triển của Sê San 4A .....	8
Bảng 2: Danh sách các cổ đông lớn tại thời điểm 25/02/2016.....	12
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/02/2016.....	13
Bảng 4: Danh sách các cổ đông sáng lập.....	13
Bảng 5: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ .....	16
Bảng 6: Cơ cấu Chi phí sản xuất từ 2013 đến nay .....	17
Bảng 7: Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh từ 2013 đến nay.....	18
Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây .....	22
Bảng 9: Tổng hợp công suất các nhà máy thủy điện trên toàn quốc.....	24
Bảng 10: So sánh với một số công ty thủy điện đang niêm yết.....	26
Bảng 11: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2015 .....	27
Bảng 12: Lịch sử chi trả cổ tức.....	29
Bảng 13: Chi tiết khấu hao tài sản.....	29
Bảng 14: Số dư các khoản Thuế, phí phải nộp.....	30
Bảng 15: Tình hình số dư các quỹ.....	30
Bảng 16: Chi tiết Nợ vay ngắn hạn .....	31
Bảng 17: Chi tiết nợ vay dài hạn .....	31
Bảng 18: Các khoản phải thu ngắn hạn .....	32
Bảng 19: Các khoản phải trả ngắn hạn .....	32
Bảng 20: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu .....	32
Bảng 21: Danh sách thành viên Hội đồng quản trị.....	33
Bảng 22: Danh sách thành viên Ban kiểm soát .....	39
Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng.....	42
Bảng 24: Chi tiết Tài sản tại 31/12/2015.....	44
Bảng 25: Danh mục đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty.....	44
Bảng 26: Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức 2016 - 2017 .....	45
Bảng 27: Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết.....	48

## PHẦN 1. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Công ty xin lưu ý các Nhà đầu tư về các nhân tố rủi ro có thể ảnh hưởng tới kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty qua đó gián tiếp ảnh hưởng tới giá cổ phiếu niêm yết khi các Nhà đầu tư xem xét việc đầu tư vào Công ty.

### 1. Rủi ro về kinh tế

Trong năm 2015, tình hình kinh tế Việt Nam diễn ra trong bối cảnh thế giới tiếp tục có nhiều diễn biến phức tạp với nhiều nhân tố khó lường. Kinh tế thế giới phục hồi sau suy thoái toàn cầu chậm hơn so với dự báo. Nhiều nền kinh tế lớn chọn hướng đẩy nhanh tăng trưởng nhưng đi kèm nhiều yếu tố rủi ro khi có sự điều chỉnh chính sách tiền tệ cũng như các quy định pháp luật ban hành. Mặt khác, nhiều nền kinh tế mới nổi gặp trở ngại từ việc thực hiện chính sách thắt chặt tiền tệ do đó tăng trưởng kinh tế tại khu vực trở nên khó khăn.

Trước bối cảnh khó khăn chung của thế giới, kinh tế Việt Nam xuất hiện dấu hiệu phục hồi nhưng năng suất và sức cạnh tranh của nền kinh tế chưa mấy được cải thiện. Đồng thời, năm 2015 đánh dấu một bước ngoặt quan trọng khi kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2011 - 2015 đã khép lại. Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của năm 2015 là cơ sở và động lực cho việc xây dựng và thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2016, năm đầu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020. Theo số liệu của Tổng Cục Thống kê, Tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 ước tính tăng 6,68% so với năm 2014, Mức tăng trưởng năm nay cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn mức tăng của các năm từ 2011 – 2014. Có thể nói rằng, nền kinh tế vĩ mô năm 2015 đón nhận những thành công nhất định của chính sách tiền tệ ổn định và duy trì mặt bằng lãi suất cho vay ở mức thấp nhằm hỗ trợ khó khăn cho doanh nghiệp, tái cơ cấu các tổ chức tín dụng yếu kém, ổn định tỷ giá và thị trường vàng; tạo nền tảng cho sự ổn định và phát triển trong 2016 của các yếu tố kinh tế vĩ mô và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trong nền kinh tế.

Những biến động của kinh tế vĩ mô trong và ngoài nước sẽ phần nào tác động đến sự phát triển của các thành phần kinh tế và đời sống xã hội, và gián tiếp ảnh hưởng tới năng suất tiêu thụ điện năng. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng này là không đáng kể do ngành điện vẫn trong giai đoạn tăng trưởng, nguồn cung không đáp ứng đủ cầu và đây cũng là một trong những ngành đang được Chính phủ khuyến khích đầu tư.

### 2. Rủi ro về lãi suất

Trong vòng 02 năm trở lại đây, Ngân hàng Nhà nước đã thực hiện một loạt động thái điều chỉnh giảm các mức lãi suất điều hành và lãi suất tiền gửi tối đa bám sát các chỉ tiêu định hướng của Chính phủ. Với chính sách ổn định lãi suất và duy trì mặt bằng lãi suất ở mức thấp trong suốt năm 2015 đã tiếp tục hỗ trợ Sản xuất – Kinh doanh nhưng vẫn đảm bảo kiểm soát được lạm phát, hỗ trợ ổn định tỷ giá và thị trường ngoại hối.

Mặt bằng lãi suất như hiện tại là điều kiện thuận lợi để các Công ty hoạt động tốt như CTCP Thủy điện Sê San 4A tiếp cận với nguồn vốn vay giá rẻ để giải ngân cho các dự án đầu tư mở rộng trong tương lai một cách hiệu quả. Tuy nhiên, Ban lãnh đạo công ty vẫn luôn chú trọng quản trị rủi ro lãi suất và chủ động hạn chế rủi ro này ở mức thấp nhất.

### 3. Rủi ro về tỷ giá

Rủi ro tỷ giá hối đoái chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngoại tệ (USD) đầu tư vào Nhà máy Thủy điện Sê San 4A từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam có thể gây ảnh hưởng đến dòng tiền của đơn vị. Để giảm thiểu tác động của rủi ro này, Công ty sử dụng các biện pháp như: tối ưu hoá thời hạn thanh toán các khoản nợ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ phù hợp, dự báo tỷ giá ngoại tệ trong tương lai, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản. Bên cạnh đó rủi ro về tỷ giá trong cơ cấu giá thành bán điện chưa có lộ trình thanh toán rõ ràng mặc dù các văn bản về cơ chế chính sách đã được ban hành như Thông tư 41/2010/TT-BCT ngày 14/12/2010, và chuyển tiếp là Thông tư 56/2014/TT-BCT, ngày 19/12/2014. Đối với Dự án thủy điện Sê San 4A là dự án dùng công nghệ tuabin capsun trục ngang đầu tiên tại Việt Nam nên chi phí thiết bị nhập khẩu tương đối cao so với các loại hình tuabin khác. Do đó, Công ty phải vay một lượng lớn ngoại tệ (USD) để mua thiết bị. Nếu không được thanh toán bù tỷ giá trong giá bán điện vào thời gian tới thì đây là một rủi ro lớn về chi phí bù trượt tỷ giá hàng năm của Công ty khi tỷ giá có sự biến động.

### 4. Rủi ro về luật pháp

Những quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động sản xuất kinh doanh điện năng đặc thù của Công ty vẫn đang trong quá trình hoàn thiện. Đặc biệt trong lĩnh vực sản xuất kinh doanh điện năng có rất nhiều quy định, quy trình an toàn nghiêm ngặt. Do đó, bất kỳ điều chỉnh nào của chính sách pháp luật và các quy định riêng của ngành Điện cũng sẽ có tác động đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

### 5. Rủi ro đặc thù ngành

**Rủi ro về thời tiết:** Nguyên liệu chính của ngành thủy điện là nguồn nước thiên nhiên nên rủi ro này hoàn toàn phụ thuộc vào điều kiện thời tiết ở Việt Nam. Trong trường hợp hạn hán kéo dài, lượng mưa giảm, làm lượng tích nước trong hồ thấp hơn so với năng lực thiết kế, ảnh hưởng lớn tới sản lượng điện sản xuất của nhà máy. Ngược lại, các thiên tai như lũ quét và mưa lớn sẽ gây thiệt hại về đường sá và các công trình đê đập của nhà máy, gây ra sự cố trong việc phát điện và tăng chi phí sửa chữa.

**Rủi ro về nguồn năng lượng thay thế:** Nguồn sản xuất điện hiện nay của nước ta chưa đáp ứng đủ nhu cầu sử dụng điện của cả nước, đòi hỏi bổ sung thêm các nguồn năng lượng thay thế khác. Trường hợp các nguồn năng lượng thay thế như các dự án về phong điện và điện mặt trời hoạt động hiệu quả và giảm được đáng kể chi phí so với các nguồn cung hiện tại thì đây là một mối đe dọa với ngành thủy điện trong tương lai.

**Rủi ro việc độc quyền phân phối điện:** Hiện nay, EVN có vị thế độc quyền hoàn toàn trong ngành điện, có chức năng sản xuất, truyền tải và phân phối điện cho cả nước. Do đó, các công ty thủy điện gặp nhiều khó khăn trong việc đàm phán, ký kết hợp đồng mua bán điện từ các nguồn điện mới ngoài EVN. Giá bán điện phụ thuộc vào quyết định Bộ Công thương và Tập đoàn EVN, các nhà máy không được điều chỉnh tăng giá điện hàng năm theo cơ chế thị trường, việc này dẫn đến xuất hiện nguy cơ giá EVN đề xuất thấp hơn mức mong đợi hoặc không bù đắp được chi phí đầu tư và lãi vay của Công ty.

## 6. Rủi ro khác

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hỏa hoạn, chiến tranh, ... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Các rủi ro trong quá trình vận hành nhà máy thủy điện, các sự cố kỹ thuật đối với các máy móc, thiết bị, các công trình đập, hồ chứa có thể gây đình trệ hoạt động sản xuất của Công ty, gây ảnh hưởng đến sự an toàn của máy móc, CBCNV và môi trường sinh thái trong khu vực tùy theo mức độ nghiêm trọng của sự cố.



## PHẦN 2. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### 1. Tổ chức niêm yết

**Ông Nguyễn Sinh**

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị

**Ông Nguyễn Bình**

Chức vụ: Tổng Giám đốc

**Ông Lê Văn Thuyết**

Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát

**Bà Vũ Thị Hậu**

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### 2. Tổ chức tư vấn

**Bà Trần Thị Thu Thanh**

Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

*(Giấy ủy quyền số 202/QĐ-BSC ngày 10/02/2015 của Tổng Giám đốc Công ty CP Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Việt Nam)*

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng niêm yết do Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (**BSC**) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A (**SHJC**). Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A cung cấp.

### PHẦN 3. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch có nội dung như sau:


• UBCKNN	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
• SGDCK	Sở Giao dịch Chứng khoán
• EVN	Tập đoàn Điện lực Việt Nam
• Tổ chức đăng ký niêm yết, Công ty, Sê San 4A, SHJC.	Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
• Tổ chức tư vấn niêm yết, BSC	Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam
• Cổ phiếu	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
• ĐHĐCĐ	Đại hội đồng cổ đông
• HĐQT	Hội đồng quản trị
• BKS	Ban kiểm soát
• CBCNV	Cán bộ Công nhân viên
• VNĐ	Đồng Việt Nam
• VĐL	Vốn điều lệ
• VCSH	Vốn chủ sở hữu
• HĐKD	Hoạt động kinh doanh
• DTT	Doanh thu thuần
• LNTT	Lợi nhuận trước thuế
• LNST	Lợi nhuận sau thuế

## PHẦN 4. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT

### 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

#### 1.1. Giới thiệu chung về tổ chức niêm yết

- Tên tiếng Việt: **Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A**
- Tên tiếng Anh: SeSan 4A HydroElectric Joint Stock Company
- Tên viết tắt: **SHJC**
- Logo:
 


- Mã chứng khoán: **S4A**
- Vốn điều lệ: **422.000.000.000 đồng** (Bốn trăm hai mươi hai tỷ đồng)
- Trụ sở chính: 650 Lê Duẩn, P.Thắng Lợi, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Điện thoại: (84.59) 3756096 Fax: (84.59) 3756097
- Website: [www.sesan4a.com.vn](http://www.sesan4a.com.vn)
- Mã số thuế: 5900413305
- Đăng ký doanh nghiệp số 5900413305 (số cũ 3903000124) do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp lần đầu ngày 15/05/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16/12/2013.
- Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A trở thành công ty đại chúng từ ngày 14/02/2015 theo chấp thuận của UBCKNN tại Công văn số 838/UBCK-QLPH ngày 14/02/2015.

#### 1.2. Ngành nghề kinh doanh

STT	Tên ngành
1	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đầu tư xây dựng và quản lý vận hành nhà máy thủy điện</li> <li>- Xây dựng công trình công nghiệp</li> <li>- Xây dựng đường dây và trạm biến thế</li> </ul>
2	Xây dựng nhà các loại. Chi tiết: Xây dựng công trình dân dụng
3	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình giao thông

4	Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Xây dựng công trình thủy lợi
5	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Mua bán vật liệu xây dựng
6	Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: San lấp mặt bằng
7	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: - Sản xuất điện; truyền tải điện - Phân phối và kinh doanh điện năng;
8	Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, thử nghiệm nhà máy thủy điện, lưới điện
9	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch. Chi tiết: Dịch vụ du lịch lữ hành nội địa (Doanh nghiệp chỉ được phép hoạt động ngành nghề này khi đảm bảo đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật)
10	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Hỗ trợ, hướng dẫn vận hành, quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị nhà máy thủy điện
11	Khai thác đá, cát sỏi, đất sét. Chi tiết: Sản xuất vật liệu xây dựng (tận dụng từ việc đầu tư xây dựng công trình thủy điện)

### 1.3. Quá trình hình thành và phát triển

Nhà máy Thủy điện Sê San 4A xây dựng tại xã IaO, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai, được khởi công vào đầu năm 2008, hoàn thành vào cuối năm 2011 với tổng vốn đầu tư gần 1.500 tỷ đồng. Đây là công trình thủy điện nằm ở bậc thang cuối cùng trên hệ thống sông Sê San, gồm 03 tổ máy với tổng công suất 63 MW, điện lượng trung bình hàng năm đạt 331,2 triệu kWh. Nhà máy Thủy điện Sê San 4A được xem là một trong những dự án thủy điện có mức đầu tư, công suất lớn nhất ở Việt Nam sử dụng công nghệ tuabin capsun (Dạng bóng đèn) cho đến thời điểm hiện tại do tư nhân đầu tư xây dựng, góp vốn với hình thức công ty cổ phần. Dự án cũng có mức đầu tư rất thấp, khoảng 24 tỷ đồng/MW.

Chính thức đi vào vận hành kinh doanh thương mại từ cuối năm 2011, đến nay Nhà máy Thủy điện Sê San 4A đã cung cấp cho hệ thống điện quốc gia hơn 1 tỷ kWh, góp phần khắc phục tình trạng thiếu hụt điện của hệ thống điện quốc gia. Trong những năm qua, Công ty CP Thủy điện Sê San 4A luôn nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ, tập trung các nguồn lực phục vụ cho công tác vận hành Nhà máy, đảm bảo đạt sản lượng theo kế hoạch, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận, ổn định cuộc sống CBCNV, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với Nhà nước về thuế và phí.

Không chỉ sản xuất cung cấp an toàn sản lượng điện cho hệ thống lưới điện, góp phần vào ổn định Kinh tế - Xã hội của tỉnh Gia Lai nói riêng cũng như khu vực Tây Nguyên nói chung, những năm qua Nhà máy Thủy điện Sê San 4A còn tham gia rất tích cực vào các hoạt động an sinh xã hội trên địa bàn. Nhà máy được xây dựng tại vùng biên giới khu vực đặt biệt khó khăn. Trong quá trình đầu tư triển khai xây dựng dự án ngoài chi phí hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng theo quy định, Công ty còn ủng hộ thường xuyên các chương trình an sinh xã

hội tại tỉnh Gia Lai: "Những hoạt động an sinh xã hội giàu ý nghĩa này sẽ tiếp tục được Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV Công ty CP Thủy điện Sê San 4A đẩy mạnh triển khai trong thời gian tới nhằm chung tay góp sức vào công cuộc đổi mới và phát triển của tỉnh Gia Lai".

**Bảng 1: Chặng đường phát triển của Sê San 4A**

Năm	Sự kiện
2008	Khởi công nhà máy Thủy điện Sê San 4A
2011	Hoàn thành xây dựng nhà máy Thủy điện Sê San 4A
-15/07/2011	Tổ máy số 1 của nhà máy Thủy điện Sê San 4A chính thức phát điện hòa mạng lưới điện quốc gia
-04/09/2011	Tổ máy số 2 của nhà máy Thủy điện Sê San 4A chính thức phát điện hòa mạng lưới điện quốc gia
-09/11/2011	Tổ máy số 3 – tổ máy cuối cùng của nhà máy Thủy điện Sê San 4A nối tiếp tổ máy số 1 và số 2 chính thức phát điện hòa mạng lưới điện quốc gia nâng tổng công suất của nhà máy thủy điện Sê San 4A lên 63MW
Tháng 06/2012	Sê San 4A hoàn thành việc huy động tăng vốn điều lệ.

#### 1.4. Quá trình tăng vốn điều lệ

Từ khi thành lập cho đến nay, Sê San 4A đã thực hiện một đợt tăng vốn thông qua phát hành thêm cổ phiếu với thông tin cụ thể sau:

- Vốn điều lệ ban đầu: **360.000.000.000 đồng**
- **Đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 360.000.000.000 đồng lên 422.000.000.000 đồng**
- Cơ sở pháp lý:
  - ✓ Nghị quyết ĐHCĐ thường niên Công ty CP Thủy điện Sê San 4A số 01/2010/NQ - ĐHCĐ ngày 19/12/2010;
  - ✓ Nghị quyết HĐQT số 08/2010/NQ-HĐQT ngày 26/12/2010.
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá: 10.000 đồng
- Giá phát hành: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu và CBCNV công ty
- Số lượng cổ phiếu phát hành: 6.200.000 cổ phiếu (trong đó cho cổ đông hiện hữu là 4.200.000 cổ phiếu, tương đương 11,667%VĐL; cho CBCNV và thành viên HĐQT, BKS, BGD của Công ty 2.000.000 cổ phiếu, tương đương 5,56% VĐL)
- Tổng giá trị phát hành: 62.000.000.000 đồng
- Kết quả phát hành: phát hành thành công 6.200.000 cổ phiếu
- Vốn điều lệ sau khi phát hành: 422.000.000.000 đồng (Bốn trăm hai mươi hai tỷ đồng)

- Ngày phát hành: 27/12/2010.
- Cơ quan chấp thuận phát hành: Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai.

Công ty đã có văn bản báo cáo và giải trình cho Ủy ban chứng khoán Nhà nước về đợt phát hành khi thực hiện đăng ký công ty đại chúng.

## 2. Cơ cấu tổ chức và quản lý của Công ty

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp đã được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 8 thông qua vào ngày 26/11/2014, có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015. Các hoạt động của Công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

### 2.1. Cơ cấu tổ chức

Cơ cấu tổ chức hiện tại của Công ty bao gồm:

#### a. Văn phòng Công ty:

Địa chỉ: 650 Lê Duẩn, P.Thắng Lợi, Tp. Pleiku, Tỉnh Gia Lai

Điện thoại: (84.59) 3756096 Fax: (84.59) 3756097

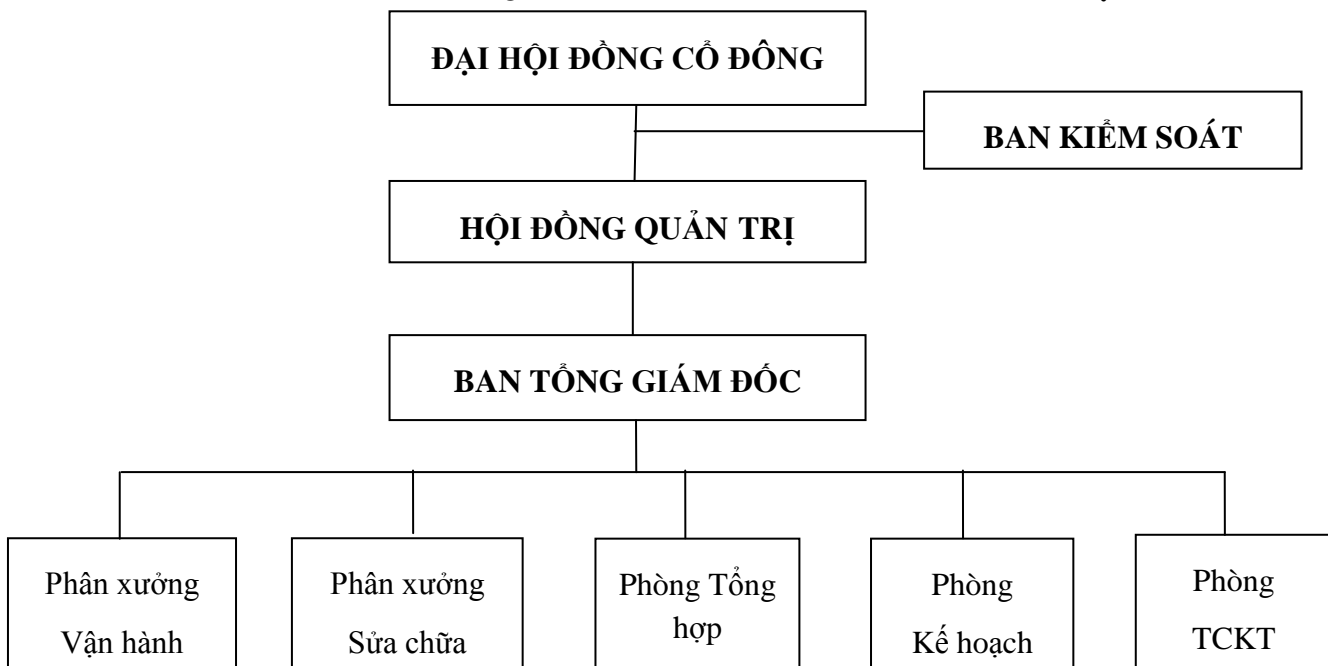
#### b. Nhà máy thủy điện Sê San 4A:

Địa chỉ: xã Iao, huyện Iagrai, Tỉnh Gia Lai.

Điện thoại: (84.59) 2224798 Fax: (84.59) 2224800

### 2.2. Cơ cấu quản lý

#### SƠ ĐỒ TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÊ SAN 4A



### **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ)**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, hoạt động thông qua các cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên hoặc bất thường và thông qua việc lấy ý kiến bằng văn bản.

### **Hội đồng quản trị (HDQT)**

Cơ quan quản lý Công ty do ĐHĐCĐ bầu ra, thay mặt cho ĐHĐCĐ quản trị Công ty giữa hai kỳ ĐHĐCĐ và có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ. Số lượng thành viên HDQT mỗi nhiệm kỳ do ĐHĐCĐ quyết định. Thành viên HDQT do ĐHĐCĐ bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm. HDQT hiện tại của Công ty gồm 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm.

### **Ban kiểm soát (BKS)**

Ban kiểm soát hiện tại gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra với nhiệm kỳ 05 năm. Thành viên BKS là những người thay mặt cổ đông kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh Công ty; trong ghi chép sổ sách kế toán tài chính của Công ty nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp cho các cổ đông, kiểm tra, giải quyết các vấn đề trong thực hiện kế toán kiểm toán của Công ty.

### **Tổng Giám đốc (TGD)**

Tổng Giám đốc được HDQT bổ nhiệm có quyền và nhiệm vụ thực hiện các Nghị quyết của HDQT và ĐHĐCĐ. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo quy chế hoạt động của HDQT, thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức; chịu trách sự giám sát của HDQT và chịu trách nhiệm trước HDQT.

### **Các phòng chức năng**

#### PHÒNG TỔNG HỢP:

- Tham mưu, tổng hợp, tổ chức phối hợp giữa các phòng, phân xưởng (P/PX) Công ty trong việc thực hiện các quyết định của TGD và Lãnh đạo Công ty.
- Tham mưu cho TGD trong công tác Tổ chức cán bộ, hành chính quản trị, thi đua khen thưởng, kỷ luật, bảo vệ. Công tác chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, quản lý công tác văn thư lưu trữ, quản lý tài sản, trang thiết bị làm việc, sinh hoạt thuộc Văn phòng Công ty, quản lý lao động, giải quyết chế độ tiền lương, chính sách, công tác bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...
- Thực hiện các quy định về văn thư, lưu trữ, bảo mật, các nguyên tắc quản lý công văn, giấy tờ, đi, đến, các biện pháp quản lý tài sản thuộc lĩnh vực chuyên môn.
- Phối hợp với các P/PX chức năng xây dựng quy chế làm việc, giao dịch, tiếp khách, bảo vệ cơ quan, trang trí, khánh tiết... công tác an ninh trật tự, nơi làm việc.

**PHÒNG KẾ HOẠCH:**

- Tham mưu giúp HĐQT/ TGD chỉ đạo, quản lý thống nhất công tác xây dựng kế hoạch SXKD hàng năm, chiến lược đầu tư, sản xuất, kinh doanh của Công ty; Công tác kế hoạch đầu tư xây dựng, tiến độ, dự toán, quyết toán A-B; Công tác đấu thầu, lựa chọn nhà thầu, soạn thảo ký kết các loại hợp đồng kinh tế; Tham gia hoạch định chương trình đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các chính sách nhằm đảm bảo cho công tác sản xuất, kinh doanh của đơn vị đạt hiệu quả cao.
- Tham mưu, giúp việc cho TGD và Lãnh đạo Công ty trong việc quản lý vận hành Nhà máy, lĩnh vực kinh tế, kế hoạch, đầu tư, thi công xây dựng, công tác vật tư.
- Quản lý công tác kỹ thuật thi công xây dựng, tiến độ, chất lượng đối với những gói thầu xây lắp.
- Xây dựng kế hoạch và tổng hợp kết quả thực hiện theo định kỳ của Công ty để báo cáo HĐQT khi có yêu cầu.
- Thực hiện và hướng dẫn nghiệp vụ về công tác kinh tế, kế hoạch trong Công ty như: Văn bản, thông tư, chế độ chính sách mới để vận dụng, tiêu chuẩn, quy chuẩn thay đổi hoặc mới ban hành...
- Tham mưu, giúp việc TGD tìm kiếm, phát triển và quản lý các dự án đầu tư.
- Phối hợp với các phòng, ban chức năng để tham gia quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

**PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN**

- Giúp việc và tham mưu cho Tổng Giám đốc Công ty trong công tác tổ chức, quản lý và giám sát hoạt động kinh tế, tài chính, hạch toán và thống kê.
- Theo dõi, phân tích và phản ánh tình hình biến động tài sản, nguồn vốn tại Công ty và cung cấp thông tin về tình hình tài chính, kinh tế cho Tổng Giám đốc trong công tác điều hành và hoạch định sản xuất kinh doanh.
- Tham mưu cho HĐQT/ TGD trong việc chỉ đạo và quản lý thống nhất các mặt hoạt động về tài chính, kế toán của Công Ty theo đúng luật kế toán và các chính sách do nhà nước ban hành; phương án huy động vốn cho dự án, công việc quản lý cổ đông, thị trường chứng khoán, công tác hạch toán kế toán, thanh quyết toán với các nhà thầu và các đối tác trong giao dịch của Công ty.

**PHÂN XƯỞNG VẬN HÀNH**

- Tham mưu giúp HĐQT/TGD chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện: công tác quản lý vận hành nhà máy, quản lý điều tiết hồ chứa nước nhà máy thủy điện, các phương thức vận hành hệ thống thiết bị đảm bảo mục tiêu an toàn, tin cậy và đạt hiệu quả cao nhất trong sản xuất điện năng của Công ty.



- Phân Xưởng vận hành có chức năng tiếp nhận, quản lý vận hành các thiết bị Nhà máy để sản xuất điện năng theo kế hoạch sản xuất điện năng được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt.
- Trực tiếp liên hệ với Trung tâm Điều độ hệ thống điện Quốc gia (A0) và Trung tâm Điều độ điều độ Miền Trung (A3) theo Quy trình phối hợp vận hành giữa Nhà máy và Trung tâm Điều độ Hệ thống điện Quốc gia.
- Phối hợp với các bộ phận chức năng trong Công ty để sửa chữa, bảo dưỡng tổ máy, đảm bảo vận hành an toàn liên tục.



#### PHÂN XƯỞNG SỬA CHỮA.

- Tham mưu giúp HĐQT/ TGD chỉ đạo, quản lý và tổ chức thực hiện: Công tác quản lý, bảo dưỡng, sửa chữa hư hỏng thiết bị cơ điện nhà máy, đảm bảo mục tiêu tiến độ, kỹ thuật, an toàn, tin cậy và đạt hiệu quả cao nhất cho nhà máy;
- Tham mưu, giúp việc Tổng Giám đốc, trong lĩnh vực thi công, lắp đặt, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị, các công trình xây dựng, và các lĩnh vực khác khi được phân công.

### 3. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ; và Cơ cấu cổ đông

#### 3.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% vốn cổ phần trở lên tại thời điểm 25/02/2016

**Bảng 2:** Danh sách các cổ đông lớn tại thời điểm 25/02/2016

TT	Tên cổ đông	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ
1	Công ty TNHH 30/4 Gia Lai (Đại diện sở hữu: Nguyễn Sinh)	5900188152	609 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	22.705.903	53,81%
2	Công ty TNHH Vĩnh Hiệp (Đại diện sở hữu: Thái Như Hiệp)	5900315114	404 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	4.844.089	11,48%
3	Xí nghiệp Tư doanh Trung Sơn (Đại diện sở hữu: Ngô Thị Thu Hoa)	5900228052	Thôn 2, xã Chư Hrông, Pleiku, Gia Lai	2.200.200	5,21%
<b>Tổng cộng</b>				<b>29.750.192</b>	<b>70,50%</b>

Nguồn: Sổ cổ đông Sổ San 4A tại ngày 25/02/2016

### 3.2. Cơ cấu cổ đông

**Bảng 3:** Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 25/02/2016

Cổ đông	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ (%VĐL)
<b>Trong nước</b>	<b>1.082</b>	<b>42.200.000</b>	<b>100%</b>
Cá nhân	1.077	10.521.904	24,93%
Tổ chức	05	31.678.096	75,07%
<b>Nước ngoài</b>	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.082</b>	<b>42.200.000</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Sổ cổ đông Sê San 4A tại ngày 25/02/2016

### 3.3. Danh sách Cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ

Căn cứ Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A do Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày 15/05/2007, danh sách cổ đông sáng lập được liệt kê như sau:

**Bảng 4:** Danh sách các cổ đông sáng lập

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu nắm giữ tại thời điểm thành lập	Số lượng cổ phiếu nắm giữ hiện tại
1	Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	609 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	12.600.000	22.705.903
2	Công ty CP Phát triển Đầu tư Xây dựng và Du lịch An Phú Thịnh	170 Lê Hồng Phong, Tp. Quy Nhơn, Bình Định	7.020.000	-
3	Công đoàn cơ quan – Tập đoàn Điện lực Việt Nam	18 Trần Nguyên Hãn, Q. Hoàn Kiếm, Tp. Hà Nội	10.800.000	-

Nguồn: Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu của Sê san 4A

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A được thành lập từ năm 2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 15/05/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Gia Lai cấp, do đó những điều kiện hạn chế chuyển nhượng đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập quy định tại Điều lệ Công ty và Luật doanh nghiệp đã không còn hiệu lực.

#### 4. Danh sách những công ty mẹ và công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết

##### 4.1. Danh sách Công ty mẹ của Sê San 4A

Tên Công ty	Địa chỉ	VĐL (triệu đồng)	Vốn thực góp tại S4A (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL S4A)	Ngành nghề KD chính
Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	609 Lê Duẩn, Tp. Pleiku, Gia Lai	350.000	227.059	53,81%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

##### 4.2. Danh sách các công ty con của Sê San 4A

Không có

##### 4.3. Danh sách Công ty mà Sê San 4A nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối

Không có

##### 4.4. Danh sách công ty nắm quyền kiểm soát và chi phối đối với của Sê San 4A

Tên Công ty	Địa chỉ	VĐL (triệu đồng)	Vốn thực góp tại S4A (triệu đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%VĐL S4A)	Ngành nghề KD chính
Công ty TNHH 30/4 Gia Lai	609 Lê Duẩn, Tp. Pleiku, Gia Lai	350.000	227.059	53,81%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

##### 4.5. Danh sách công ty liên kết của Sê San 4A

Không có

## 5. Hoạt động kinh doanh

### 5.1. Sản phẩm kinh doanh chính

Đầu tư xây dựng và vận hành nhà máy thủy điện, sản xuất kinh doanh điện năng là hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần Thủy Điện Sê San 4A. Công ty hiện đang khai thác Nhà máy Thủy điện Sê San 4A (tổng công suất 63MW).

*Hình 1: Một số hình ảnh Nhà máy thủy điện Sê San 4A*



Nhà máy Thủy điện Sê San 4A do Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A đầu tư, được khởi công vào đầu năm 2008, hoàn thành vào cuối năm 2011 được xây dựng tại xã Lao, huyện Iagrai, tỉnh Gia Lai. Đây là công trình thủy điện nằm ở bậc thang cuối cùng trên hệ thống sông Sê San, gồm 03 tổ máy với tổng công suất 63 MW, điện lượng trung bình hàng năm đạt 331,2 triệu kWh. Nhà máy Thủy điện Sê San 4A được xem là một trong những dự án thủy điện có mức đầu tư, công suất lớn ở Việt Nam sử dụng công nghệ tuabin capsun (dạng bóng đèn) cho đến thời điểm hiện tại do tư nhân đầu tư xây dựng.

Là nhà máy thủy điện nằm tại bậc thang cuối của dòng sông Sê San, với công suất nhỏ nên Nhà máy Thủy điện Sê San 4A không phải điều tiết chống lũ, việc điều tiết về mùa kiệt thực hiện theo quy trình vận hành liên hồ chứa đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt để đảm bảo dòng chảy cho hạ lưu trên đất Campuchia tương ứng với  $195\text{m}^3/\text{s}$  nên về mùa kiệt Nhà máy vẫn đảm bảo phát điện được một trong số ba tổ máy. Thêm vào đó, Nhà máy Thủy điện Sê San 4A tuy công suất nhỏ lại nhưng do sử dụng loại hình tua bin trục ngang chủ yếu chạy bằng lưu lượng nên lưu lượng qua tổ máy lớn. Nhà máy có hồ chứa dung tích nhỏ nên việc phát điện chủ yếu do điều tiết của các nhà máy bậc thang phía trên Nhà máy không chủ động được nguồn nước để phát điện.

### 5.2. Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ qua các năm

Sản lượng điện năng của Nhà máy Thủy điện Sê San 4A phụ thuộc vào nhiều yếu tố: lượng nước mưa tự nhiên từ thượng nguồn sông Sê San; từ hoạt động phát điện, xả tràn hoặc xả điều tiết về hạ lưu sông Sê San trên Campuchia theo quy định của Ủy ban sông Mê Kông và quy trình vận hành liên hồ chứa trên sông Sê San do Chính Phủ Nam ban hành; phụ thuộc vào yêu cầu công suất từ Trung tâm Điều độ hệ thống điện quốc gia (A0) và độ tin cậy của các thiết bị của nhà máy.

**Bảng 5: Sản lượng sản xuất và tiêu thụ**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	% tăng (giảm) 2015 so với 2014
<b>Sản lượng điện thương phẩm</b>	kWh	334.140.000	348.961.000	282.960.000	-18,91%
<b>Doanh thu theo sản phẩm</b>	Triệu đồng	265.850	279.519	228.587	-18,22%
<b>Giá vốn theo sản phẩm</b>	Triệu đồng	74.940	85.996	88.195	2,56%

*Nguồn: Sê San 4A*

Trong năm 2014, hoạt động sản xuất kinh doanh điện gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa đều trong các tháng mùa mưa dẫn đến lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định, do đó sản lượng điện thương phẩm và doanh thu của Công ty cải thiện đáng kể.

Tuy nhiên, bước sang năm 2015 khí hậu và thủy văn lại có những biến đổi phức tạp do ảnh hưởng của hiện tượng El Nino nên mùa mưa đến chậm, lượng mưa trên khu vực miền Trung và Tây Nguyên giảm trầm trọng, lưu lượng nước không đảm bảo để phát điện dẫn đến sản lượng điện sản xuất trong năm 2015 giảm nhẹ so với cùng kỳ, cụ thể tổng sản lượng sản xuất đạt 282,96 triệu kWh bằng 85% sản lượng thiết kế và giảm 18,91% so với mức sản xuất trong năm 2014. Theo đó, mức doanh thu trong năm 2015 cũng biến động giảm 18,22% (đạt hơn 228 tỷ đồng) trong khi giá vốn lại tăng nhẹ 2,56% (giá trị trên 88 tỷ đồng).

### 5.3. Nguyên liệu đầu vào

Đối với ngành thủy điện, nguồn nguyên vật liệu đầu vào chính là nước. Vì vậy, sự ổn định của nguồn nguyên liệu phụ thuộc chủ yếu vào trữ lượng hồ chứa của nhà máy và điều kiện thời tiết trong khu vực.

Nhà máy Thủy điện Sê San 4A nằm trên địa bàn tỉnh Gia Lai tiếp giáp với tỉnh Kon Tum, lượng điện năng mà Nhà máy sản xuất và kinh doanh phụ thuộc vào lượng nước mưa tự nhiên của lưu vực sông Sê San bắt nguồn ở phía Bắc và Trung Tây Nguyên với diện tích lưu vực khoảng: 9.368 km<sup>2</sup>, tổng chiều dài của sông chính 237 km. Hồ chứa thủy điện Sê San 4A có

dung tích 13.13 triệu m<sup>3</sup> với lượng mưa trung bình hàng năm 2.211 mm, dòng chảy trung bình hàng năm 330m<sup>3</sup>/s.

Việc sản xuất thủy điện phụ thuộc hoàn toàn vào tình hình thời tiết, cụ thể là lượng mưa hàng năm trên lưu vực sông Sê San, đặc biệt khí hậu Tây Nguyên được chia làm 2 mùa riêng biệt mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau. Do vậy, để khắc phục tính chất thời vụ của thời tiết nhằm đảm bảo kế hoạch sản lượng: trong mùa mưa lượng nước về hồ chứa nhiều, Nhà máy vận hành hết công suất của ba tổ máy, để đảm bảo phát điện và đồng thời phòng ngừa lũ lụt theo quy định vận hành liên hồ chứa trên dòng sông Sê San nhà máy bắt buộc phải xả tràn. Còn về mùa khô, Nhà máy duy trì phát điện theo quy trình điều tiết hồ chứa. Do hồ chứa của Sê San 4A nhỏ chỉ điều tiết ngày nên hoạt động sản xuất điện còn phụ thuộc vào sự hoạt động của các nhà máy thủy điện trên thượng nguồn. Với hệ thống các hồ chứa của các Nhà máy thủy điện nằm phía trên thượng nguồn: như thủy điện Thượng Kon Tum trên nhánh Đăk Bla: 145 triệu m<sup>3</sup>; Plei Krông trên nhánh Krông PôKô: 948 triệu m<sup>3</sup>; Yaly: 779 triệu m<sup>3</sup>; Sê San 3: 92 triệu m<sup>3</sup>; Sê San 3A: 80,6 triệu m<sup>3</sup>; Sê San 4: 893 triệu m<sup>3</sup> có dung tích lớn nên sẽ luôn đảm bảo cho Nhà máy thủy điện Sê San 4A đủ nước phát điện khi các Nhà máy trên thượng nguồn phát điện.

Đồng thời, Nhà máy Thủy điện Sê San hiện có 03 tổ máy, tùy thuộc vào tình hình lưu lượng nước về hồ mà Nhà máy có thể phát điện một số hoặc toàn bộ các tổ máy. Việc duy tu, sửa chữa máy móc thiết bị luôn được thực hiện định kỳ, đảm bảo máy móc thiết bị luôn trong tình trạng bảo dưỡng tốt nhất, sẵn sàng cho việc chạy máy khi lưu lượng nước về hồ ổn định.

#### 5.4. Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh

**Bảng 6: Cơ cấu Chi phí sản xuất từ 2013 đến nay**

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %	Giá trị	Tỷ trọng %
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	481.232	0,57	163.508	0,18	6.920.863	7,33
Chi phí nhân công	7.228.517	8,63	8.781.947	9,74	7.455.752	7,90
Chi phí khấu hao TSCĐ	49.287.367	58,82	49.023.243	54,36	48.960.469	51,89
Chi phí dịch vụ mua ngoài	395.723	0,47	885.395	0,98	1.647.123	1,74
Chi phí dự phòng	-	-	-	-	405.833	0,43
Chi phí khác bằng tiền	26.405.421	31,51	31.333.302	34,74	28.968.858	30,70
<b>Tổng cộng</b>	<b>83.798.260</b>	<b>100</b>	<b>90.187.395</b>	<b>100</b>	<b>94.358.898</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015

Với đặc tính hoạt động của nhà máy thủy điện, chi phí cấu thành chủ yếu trong tổng chi phí hàng năm là chi phí khấu hao tài sản cố định do đầu tư xây dựng và chi phí máy móc thiết bị cao, chiếm bình quân 50% - 60% cơ cấu chi phí sản xuất.

Chi phí khác bằng tiền là chi phí lớn thứ hai đối với Công ty, chủ yếu là các khoản chi phí lãi vay, chi phí bù trượt tỷ giá hàng năm, ...

Chi phí nhân công là khoản mục chi phí chiếm tỷ trọng tương đối cao trong cơ cấu chi phí của Sê san 4A. Khoản mục chi phí này lần lượt chiếm 8,63%, 9,74% và 7,90% cơ cấu chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2013, 2014 và 2015.

Các khoản chi phí còn lại chỉ chiếm tỷ trọng nhỏ, đặc biệt là chi phí nguyên liệu không đáng kể do nguồn nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nguồn nước thiên nhiên. Tuy nhiên, trong năm 2015, Công ty thực hiện đầu tư thay thế thiết bị tại Nhà máy thủy điện nên khoản mục chi phí nguyên vật liệu trong kỳ có sự gia tăng đột biến so với các kỳ trước.

**Bảng 7: Cơ cấu Chi phí hoạt động kinh doanh từ 2013 đến nay**

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT	Giá trị	%DTT
Giá vốn hàng bán	74.939.952	28,19	85.995.522	30,77	88.195.473	38,58
Chi phí quản lý	9.474.597	3,56	5.001.539	1,79	6.613.425	2,89
Chi phí tài chính	115.323.720	43,38	98.279.280	35,16	114.492.940	50,09
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	<i>89.039.945</i>	<i>33,49</i>	<i>72.784.271</i>	<i>26,04</i>	<i>63.983.378</i>	<i>27,99</i>
Chi phí khác	109.473	0,04	2.382.065	0,85	717.335	0,31
<b>Tổng cộng</b>	<b>199.847.742</b>	<b>75,17</b>	<b>191.658.406</b>	<b>68,57</b>	<b>210.019.173</b>	<b>91,88</b>
<b>Doanh thu thuần (DTT)</b>	<b>265.850.178</b>	<b>100</b>	<b>279.518.781</b>	<b>100</b>	<b>228.586.567</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

Chi phí tài chính chiếm tỷ trọng nhiều nhất trên doanh thu thuần của SHJC qua các năm. Cụ thể, chi phí tài chính lần lượt chiếm 43,38% và 35,16% trên doanh thu thuần trong năm 2013, 2014 và tăng lên mức 50,09% trong năm 2015, nguyên nhân chính là do chi phí tài chính năm 2015 có sự gia tăng đáng kể là do sự gia tăng giá trị khoản mục Lỗ chênh lệch tỷ giá trong gia tăng 2015. Công ty sử dụng các khoản vay ngoại tệ để đầu tư vào Nhà máy thủy điện do đó biến động tỷ giá trong năm 2015 đã phát sinh tăng đột biến khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm giá trị khoảng hơn 33 tỷ đồng.

Chi phí giá vốn hàng bán đứng thứ hai sau chi phí tài chính trên doanh thu thuần qua các năm. Trong năm 2013, giá vốn hàng bán chiếm 28,19% và có xu hướng tăng trong năm 2014 (30,77%) và năm 2015 (38,58%), nguyên nhân do mức Thuế suất thuế Tài nguyên nước tăng từ 2% lên 4% theo Nghị quyết số 712/2013/UBTVQH13 ngày 16/12/2013 của UBTVQH, có hiệu lực áp dụng từ tháng 2 năm 2014.

Chi phí quản lý và chi phí khác chiếm tỷ trọng nhỏ trên tổng doanh thu. Đặc biệt là chi phí quản lý đang có xu hướng giảm từ mức 3,56% tổng doanh thu thuần năm 2013 còn lần lượt

ổn định ở mức 1,79% và 2,89% trong năm 2014, 2015 thể hiện công tác quản lý chi phí văn phòng và nhà máy của Công ty đang dần hiệu quả qua các năm.

Ngoài ra, sản phẩm điện đầu ra của Công ty luôn được đảm bảo bằng hợp đồng dài hạn với Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN), do đó toàn bộ doanh thu của SHJC thu được từ hoạt động bán điện nên không phát sinh chi phí bán hàng.

#### 5.5. Trình độ sản xuất, công nghệ

Các hệ thống thiết bị cơ điện nhà máy Thủy điện Sê San 4A được cung cấp chủ yếu bởi các nhà chế tạo thiết bị cơ điện lớn có uy tín của Trung Quốc, ứng dụng công nghệ kỹ thuật số trong điều khiển và giám sát hoạt động của toàn nhà máy bằng công nghệ Châu Âu. Các thiết bị này có trình độ công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với trình độ của các nước phát triển và đáp ứng tốt các yêu cầu kỹ thuật của đơn vị tư vấn thiết kế nhà máy và đơn vị mua điện của nhà máy là công ty mua bán điện. Vì nhà máy mới được đưa vào hoạt động nên có ưu thế trong việc áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật tiên tiến của thế giới. Cho đến hiện tại trong quá trình hoạt động chưa có những trục trặc về thiết bị nghiêm trọng nào.

Hệ thống có tính năng tự động cao do đó giảm được số lượng lớn nhân sự trong vận hành các thiết bị nhà máy. Giao diện đơn giản dễ sử dụng, có chế độ kiểm tra giám sát để điều chỉnh hoặc khi cần sẽ loại bỏ thiết bị hư hỏng để không ảnh hưởng đến các thiết bị khác trong hệ thống.

Các nhà cung cấp thiết bị cơ điện chính cho Nhà máy Thủy điện Sê San 4A:

Thiết bị	Nhà cung cấp
Tua bin	Guangdong Province Shaoguan Zhongli Power
Máy phát điện	Guangdong Province Shaoguan Zhongli Power Equipment Co., Ltd. (GDZL)
Hệ thống kích từ	Guangzhou Electrical Apparatus Research Institute
Bộ điều tốc	Wuhan Strong Automatic Control Technology Co., Ltd
Hệ thống điều khiển	Chongqing New Century Electrical Co., Ltd.

#### Các thông số chính của Nhà máy Thủy điện Sê San 4A:

- Công suất lắp đặt nhà máy: 63MW
- Số tổ máy: 03
- Công suất mỗi tổ máy: 21MW
- Công suất đảm bảo: 18,6MW
- Hồ chứa:
  - Dung tích toàn bộ hồ chứa : 13,13 triệu m<sup>3</sup>



- Dung tích hữu ích : 7,55 triệu m<sup>3</sup>
- Lưu lượng lũ tính toán : Q = 15,060 m<sup>3</sup>/s (P=1%)
- Mức nước dâng bình thường : 155,2m
- Mức nước chết : 150 m
- Hồ chứa nước của Nhà máy do EVN đầu tư
- Điện áp cấp điện lên hệ thống lưới điện quốc gia tại Nhà máy: 220kV

#### 5.6. Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm/dịch vụ

Sản phẩm đầu ra của Nhà máy là điện năng cấp cho lưới điện quốc gia do đó công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm luôn được Công ty chú trọng.

*Chất lượng nguồn điện cung cấp:* Công ty đã tăng cường kiểm tra để đảm bảo chất lượng nguồn điện cung cấp bằng cách đáp ứng tốt các thông số kỹ thuật theo quy định chung của ngành Điện như tần số, điện áp, hòa lưới điện và ngừng máy theo yêu cầu của Trung tâm điều độ hệ thống điện quốc gia, đảm bảo sự an toàn của con người, thiết bị và cơ sở hạ tầng của nhà máy.

*Công tác quản lý vận hành sản xuất điện:* Phân xưởng Vận hành có chức năng tiếp nhận, quản lý vận hành các thiết bị Nhà máy để sản xuất điện năng theo kế hoạch sản xuất điện năng được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt. Phân xưởng Vận hành có nhiệm vụ thường xuyên chấn chỉnh, củng cố công tác vận hành trên các mặt: kiểm tra thiết bị vận hành, thao tác xử lý sự cố thiết bị, thực hiện các quy trình liên quan đến công tác vận hành, ... Đồng thời, Công ty đã ban hành và thực hiện nghiêm túc các quy trình quy định của Công ty, phân bổ thời gian làm việc hợp lý, nhất là với cán bộ CNV vận hành để vận hành tốt nhà máy. Khi có sự cố xảy ra, cán bộ nhà máy sẽ xác định nguyên nhân gây ra sự cố, bàn bạc đưa ra cách giải quyết vấn đề và rút kinh nghiệm cho những vấn đề tương tự trong tương lai.

#### 5.7. Hoạt động Marketing

Công ty đã ký hợp đồng mua bán điện dài hạn với Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Để quảng bá thương hiệu của mình Công ty đã tăng cường giao lưu quan hệ với các đối tác liên quan để ngày càng phối hợp tốt hơn trong quá trình quản lý vận hành cung cấp điện của nhà máy. Tích cực tham gia các hoạt động từ thiện của tỉnh Gia Lai phát động, tham gia vào các hoạt động xã hội nơi đặt Nhà máy để thương hiệu Sê San 4A ngày một đi sâu vào trong tâm trí của đồng bào các dân tộc Tây Nguyên.

### 5.8. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền



Với biểu tượng mái nhà Rông tiêu biểu cho các dân tộc Tây nguyên, Công ty đã nói lên vị trí địa lý của mình là Vùng Tây nguyên kỳ vĩ nhưng chứa đầy tiềm năng. Ba nét vẽ lượn sóng biểu tượng cho nguồn năng lượng nước trên dòng sông Sê San, đó là yếu tố đầu tiên và cơ bản nhất để đảm bảo hình thành, tồn tại và phát triển của Nhà máy thủy điện. Chính giữa mái nhà là ngôi sao 4 cánh, đó là biểu tượng của ngành Điện lực Việt Nam mà Nhà máy thủy điện Sê San 4A là một phần tử trong hệ thống lưới điện quốc gia Việt Nam và là đối tác gắn bó bền chặt về quyền lợi kinh tế, trách nhiệm an toàn về số lượng và chất lượng sản phẩm điện cung cấp cho hệ thống lưới điện Quốc Gia trong quá trình tồn tại và phát triển của Nhà máy.

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A đã mua lại bản quyền đăng ký nhãn hiệu của Công ty TNHH TM và DV Hào Quang theo Giấy chứng nhận 113835 của Cục Sở hữu trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ cấp, ngày 17/11/2008.

### 5.9. Hợp đồng đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Khách hàng duy nhất của Công ty CP Thủy điện Sê San 4A là Công ty Mua bán điện – Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Do đó, Công ty sở hữu một hợp đồng mua bán điện, chi tiết:

- Tên hợp đồng: Hợp đồng mua bán điện Nhà máy Thủy điện Sê San 4A
- Số hợp đồng: 06/2012/HĐ-NMĐSS4A
- Trị giá hợp đồng: Tính theo giá điện bình quân năm là 727,86 đ/kWh
- Thời điểm ký kết lần đầu: 26/03/2010
- Thời điểm ký kết sửa đổi bổ sung: 01/05/2012.
- Thời gian thực hiện: Kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực đến ngày 15/07/2021
- Sản phẩm: Điện thương phẩm
- Đối tác trong hợp đồng: Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

## 6. Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ năm 2013 đến nay

### 6.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất

**Bảng 8: Một số chỉ tiêu tài chính trong các năm gần đây**

Đơn vị: 1.000 đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	% tăng (giảm) 2014/2013	Năm 2015	% tăng (giảm) 2015/2014
Tổng Tài sản	1.363.078.987	1.318.426.389	-3,28 %	1.286.460.205	-2,42%
Vốn chủ sở hữu	441.655.592	426.680.710	-3,39 %	456.587.083	7,01%
DT thuần	265.850.178	279.518.781	5,14%	228.586.567	-18,22%
LN góp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	190.910.225	193.523.259	1,37%	140.391.094	-27,46%
Lợi nhuận từ HĐKD	67.637.445	92.528.350	36,80 %	23.711.003	-74,37%
Tỷ suất LN góp	72%	69%	-3,59%	61%	-10,99%
Lợi nhuận khác	40.527	-1.826.324	-	288.151	-115,78%
LNTT	67.677.973	90.702.026	34,02 %	23.999.154	-73,54%
LNST	67.650.341	90.702.026	34,07 %	22.695.490	-74,98%
Tỷ lệ LNST trả cổ tức	93,57%	93,05%	-0,56%	93,97% <sup>(*)</sup>	-0,09%
LNST/DTT	25,45%	32,45%	27,52%	9,93%	-69,40%
Tỷ suất LNST/Tổng tài sản (ROA)	4,96%	6,88%	38,62%	1,76%	-74,36%
Tỷ suất LNST/ VCSH bình quân (ROE)	15,24%	20,89%	37,07%	5,14%	-75,39%

<sup>(\*)</sup> theo tỷ lệ cổ tức 2015 đã thanh toán là 5% trên mệnh giá.

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm 2014 có sự tăng trưởng tích cực so với 2013 do các nguyên nhân sau:

- Trong năm 2014, Công ty đã làm việc với Ngân hàng tài trợ vốn BIDV đề nghị giảm lãi suất vay của hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã điều chỉnh giảm lãi suất hai lần trong năm 2014, lãi suất vay hiện nay đang áp dụng là 6,5%/ năm với khoản vay USD và 9,5%/năm đối với khoản vay VNĐ.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện trong năm 2014 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa đều trong các tháng, dẫn đến lượng

nước về hồ ổn định, sản lượng điện thương phẩm sản xuất vượt kế hoạch hơn 5% trong năm.

- Thực hiện điều tiết tốt lưu lượng nước về hồ trong mùa khô để nâng cao hiệu quả vận hành, do đó doanh thu và giá bán điện bình quân tăng hơn 5% so với giá điện bình quân của hợp đồng.

Hoạt động sản xuất kinh doanh điện 2015 gặp nhiều khó khăn, kết quả chưa đạt được theo kế hoạch được ĐHCĐ thông qua với các nguyên nhân chính sau:

- **Về sản lượng:** Do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa giảm từ 30% đến 40% so với lượng mưa trung bình nhiều năm dẫn đến lượng nước về hồ Sê San giảm tương ứng. sản lượng điện sản xuất năm 2015 của Nhà máy có sự giảm nhẹ so với cùng kỳ, đạt 283,48 triệu kWh, đạt 87,44% kế hoạch sản lượng điện năm 2015 (324,2 triệu kWh). Theo đó, doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2015 đạt lần lượt 228,59 tỷ đồng và 22,69 tỷ đồng hoàn thành 86,88% và 35,09% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận 2015.
- **Về chi phí:** Do khoản dư nợ vay bằng USD với số dư đầu kỳ là 30.230.000 USD, trong năm 2015 do tỷ giá biến động tỷ giá tăng đột biến hơn 5% nên Công ty phải chịu khoản lỗ chi phí chênh lệch tỷ giá cuối kỳ chưa thực hiện là 31.876.810.000 đ (Công ty đã dùng khoản chi phí để trả nợ trước hạn khoản 1.500.000 USD). Về các chi phí khác không có biến động lớn tăng giảm nằm trong phạm vi  $\pm 5\%$  so với kế hoạch.
- Giá bán điện chưa được bù tỷ giá theo quy định của Bộ Công thương.

## 6.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty trong năm báo cáo

### ➤ Những nhân tố thuận lợi

- Nền kinh tế Việt Nam có những chuyển biến tích cực, lãi suất Ngân hàng đang trên đà giảm.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh điện trong năm 2014 gặp nhiều thuận lợi, tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa đều trong các tháng mùa mưa dẫn đến lượng nước về hồ Sê San 4A ổn định, sản lượng điện thương phẩm sản xuất vượt kế hoạch.

### ➤ Những nhân tố khó khăn

- Hoạt động phát điện của Công ty gặp không ít rủi ro không lường trước do tình hình thời tiết biến đổi thất thường. Đặc biệt trong năm 2015, tình hình thủy văn và thời tiết đã có những ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động sản xuất điện năng của Nhà máy Thủy điện Sê San 4A. Để khắc phục tính thời vụ của thời tiết nhằm đảm bảo kế hoạch sản lượng sản xuất đề ra, Công ty đã thực hiện các biện pháp quản lý vận hành sản xuất điện, cụ thể như sau: về mùa mưa tận dụng lượng nước về hồ nhiều chạy phát điện hết công suất của 03 tổ máy, về mùa khô duy trì phát điện theo quy trình điều tiết hồ chứa, và duy tu sửa chữa máy móc thiết bị chuẩn bị thiết bị lúc nào cũng trong tình trạng được bảo dưỡng tốt nhất sẵn sàng cho việc chạy máy khi lưu lượng nước về hồ ổn định.

- Cơ chế điều hành giá bán điện đang còn nhiều bất cập, giá điện được cố định theo hợp đồng chưa được điều chỉnh tăng giảm theo cơ chế thị trường, lãi suất, tỷ giá biến động ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Các văn bản quy phạm pháp luật thay đổi liên tục, hoặc có ban hành nhưng chưa thực hiện, ví dụ: như bù tỷ giá ngoại tệ trong cơ cấu giá bán điện theo Thông tư 41/2010/TT-BTC và chuyển tiếp là Thông tư 56/2014/TT-BCT, ngày 29/12/2014.

## 7. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 7.1. Vị thế của công ty trong ngành

*Xét về mặt công suất:* Sê San 4A là một trong 6 nhà máy thủy điện được xây dựng trên sông Sê San. Nhà máy thủy điện Sê San 4A gồm 3 tổ máy với tổng công suất đặt là 63MW. So với các nhà máy thủy điện trên toàn quốc thì Sê San 4A xếp thứ 17 trong Nhóm 2 (nhóm các nhà máy thủy điện có công suất từ 50MW tới 100MW). Đồng thời, so với các nhà máy thủy điện khác tại khu vực Tây Nguyên, công suất của Sê San 4A nằm trong nhóm có công suất thấp.

*Xét về mặt công nghệ:* Ba tổ máy của Nhà máy thủy điện Sê San 4A có đặc thù cột nước thấp, sử dụng tua bin thuộc loại capsun, là loại tua bin đầu tiên được lắp đặt tại Việt Nam.

Từ khi hòa mạng lưới điện quốc gia tới nay, Sê San 4A luôn hoạt động hết công suất. Kết quả hoạt động kinh doanh của Sê San 4A luôn thu được lợi nhuận cao, đưa lại giá trị cho công ty và các cổ đông.

**Bảng 9: Tổng hợp công suất các nhà máy thủy điện trên toàn quốc**

T	Tên nhà máy thủy điện	Công suất đặt (MW)		Tên nhà máy thủy điện	Công suất đặt (MW)		Tên nhà máy thủy điện	Công suất đặt (MW)
I	<b>Nhóm 1 (trên 100 MW)</b>		II	<b>Nhóm 2</b>		III	<b>Nhóm 3</b>	
1	Sơn La	2400	1	Cửa Đạt	97	1	Chiêm Hóa	48
2	Hòa Bình	1920	2	Bắc Hà	90	2	Nhạn Hạc	45
3	Yaly	720	3	Buôn Tua Shah	86	3	Bình Điền	44
4	Trị An	400	4	Cần Đơn	82	4	Đak Mi 4B	42
5	Sê San 4	360	5	Thái An	82	5	Sông Bạc	42
6	Tuyên Quang	342	6	Srepok 4	80	6	Nậm Cùn	40
7	Đồng Nai 4	340	7	Bá Thước 2	80	7	Nậm Pàm 5	34.5
8	Bản Vẽ	320	8	Ngòi Phát	72	8	Sử Pán 2	34.5
9	Hàm Thuận	301	9	Sông Hinh	70	9	Hương Sơn	34
10	Đại Ninh	300	10	Đồng Nai 2	70	10	Đa Dâng 2	34
11	Buôn Kuop	280	11	Vĩnh Sơn	66	11	Bắc Bình	33
12	Sê San 3	260	12	Nậm Na 2	66	12	Nậm Chiến 2	32

13	Srepok 3	220	13	Krong H'măng	64.6	13	Đak Mi 4C	18
14	Sông Ba Hạ	220	14	Quảng Trị	64			
15	Bản Chát	220	15	SrePock 4A	64			
16	A Vương	210	16	Sông Côn	63			
17	Nậm Chiến 1	200	<b>17</b>	<b>Sê San 4A</b>	<b>63</b>			
18	Sông Tranh 2	190	18	Tả Thăng	60			
19	Đồng Nai 3	180	19	Bá Thước 1	60			
20	Hòa Na	180	20	Văn Chấn	57			
21	Đa Mi	175	21	Hương Điền	54			
22	An Khê	173	22	Srok Phumieng	51			
23	A Lưới	170						
24	Đa Nhim	160						
25	Thác Mơ	150						
26	Đak Mi 4A	148						
27	Dakr'tih	144						
28	Thác Bà	110						
29	Nho Quế 3	110						
30	Sê San 3A	108						
31	Pleikroong	100						
32	Khe Bô	100						

Nguồn: Quyết định số 52/QĐ – DTDL của Cục điều tiết Điện lực về việc ban hành danh sách các nhà máy phát điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh năm 2013

Đối với Nhà máy Thủy điện Sê San 4A, sản lượng điện sản xuất hằng năm phụ thuộc hoàn toàn vào chế độ thủy văn và yếu tố thiết bị. Tuy nhiên, nếu so sánh với các nhà máy có cùng công suất thì Nhà máy Thủy điện Sê San 4A có thuận lợi là điện phát ra được đầu nối vào đường dây 220kV, có thể truyền tải ra Bắc hay vào Nam đều được.

### 7.2. Triển vọng phát triển của ngành

Nhu cầu sử dụng điện của Việt Nam vẫn đang có xu hướng tăng nhanh, dự tính trung bình hơn 10% một năm trong những năm tiếp theo. Tình trạng mất điện vẫn xảy ra cho thấy nhu cầu đối với sản phẩm này vẫn đang lớn hơn khả năng sản xuất trong nước và ngành Điện đang là một trong những ngành được khuyến khích hỗ trợ của Chính phủ. Trong những năm tới, bảng giá điện được phê duyệt tăng thêm sẽ tạo ra thuận lợi lớn cho hoạt động sản xuất kinh doanh cho các công ty trong ngành năng lượng Điện.

Tiêu thụ điện trung bình của Việt Nam khoảng 1.300 kWh /bình quân đầu người, thấp hơn so với các nước trong khu vực và có nhiều tiềm năng phát triển. Trong đó, miền Nam thường có nhu cầu sử dụng điện cao hơn các khu vực khác, chiếm khoảng 50% tổng nhu cầu điện cả nước do nhu cầu điện cho công nghiệp và kinh doanh cao hơn.

Giai đoạn 2014 – 2015, ngành điện Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng ổn định. Cụ thể, trong năm 2014 và 11 tháng đầu năm 2015 sản lượng điện sản xuất và mua ngoài của EVN đạt lần lượt 146,49 tỷ kWh và 142,5 tỷ kWh. Tuy nhiên, nguồn điện được phân bổ không đồng đều, nguồn điện tại chỗ của miền Nam tiếp tục thiếu, hệ thống điện phải tải điện từ miền Bắc và miền Trung, tăng thêm chi phí chuyển tải. Dự đoán trong những năm tới, với sự mở cửa thị trường, Việt Nam nói chung và miền Nam nói riêng sẽ thu hút thêm nhiều dự án đầu tư mới, đồng thời làm tăng thêm nhu cầu về sử dụng điện.

### 7.3. So sánh về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong cùng ngành

Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A đăng ký niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSX), do đó tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ được so sánh với các công ty khác có hoạt động gần giống Công ty và cũng đang niêm yết trên HSX trong niên độ 2015, bao gồm: Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Nam (SHP) và Công ty Cổ phần

**Bảng 10:** So sánh với một số công ty thủy điện đang niêm yết

Đơn vị: đồng

TT	Tiêu chí	S4A	SHP	TBC
1	Vốn điều lệ	<b>422.000.000.000</b>	937.102.000.000	635.000.000.000
2	VCSH	<b>456.587.083.386</b>	1.221.778.258.860	842.436.568.287
3	Tổng Tài sản	<b>1.286.460.205.235</b>	3.205.652.872.699	873.141.100.800
4	Doanh thu thuần	<b>228.586.567.001</b>	596.443.770.547	251.087.216.645
5	Giá vốn hàng bán	<b>88.195.472.577</b>	221.140.126.250	98.784.782.337
6	Lợi nhuận gộp	<b>140.391.094.424</b>	375.303.644.297	152.302.434.308
7	LN thuần từ HĐKD	<b>23.711.003.034</b>	226.418.652.535	142.346.023
8	Lợi nhuận khác	<b>288.151.254</b>	22.696.013	1.971.190.194
9	LNTT	<b>23.999.154.288</b>	226.441.348.548	144.317.536.217
10	Thuế TNDN	<b>1.303.644.344</b>	6.328.735.973	29.026.678.395
11	LNST	<b>22.695.489.944</b>	220.112.612.575	115.290.857.822
12	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<b>538</b>	2.349	1.816
13	Tỷ suất LNST/DTT	<b>10%</b>	28%	46%
14	Tỷ suất LNST/VCSH (ROE)	<b>5%</b>	13%	14%
15	Tỷ suất LNST/TTS (ROA)	<b>2%</b>	6%	13%

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 của S4A và số liệu BSC tổng hợp từ BCTC Quý 4/2015 của các công ty

Nếu xét về mặt công suất, quy mô công suất của Nhà máy Thủy điện Sê San 4A hiện có công suất tương đối thấp hơn quy mô của các công ty sản xuất thủy điện hiện đang niêm yết như: tổng công suất của 03 nhà máy thuộc Công ty CP Thủy điện Miền Nam là 122,5 MW và Công ty CP Thủy điện Thác Bà là 110 MW. Tuy nhiên, Sê San 4A cũng có những thế mạnh nhất định như hệ thống máy móc, thiết bị tiên tiến, hiện đại được đầu tư mới, đồng thời Nhà máy cũng có thuận lợi là điện phát ra được đầu nối vào đường dây 220kV, có thể truyền tải ra Bắc hay vào Nam đều được.

Đối với các chỉ tiêu về tình hình hoạt động kinh doanh, Sê San 4A có kết quả khá tích cực so với các Công ty cùng ngành đã niêm yết trên sàn mặc dù quy mô tài sản và vốn điều lệ của Công ty còn khá hạn chế, cụ thể: quy mô vốn điều lệ của Sê San đến cuối 2015 đạt 422 tỷ, tương đối khiêm tốn so với mức vốn điều lệ 635 tỷ của TBC và 937 tỷ của SHP. Tình hình sản xuất kinh doanh trong năm 2015 của S4A gặp nhiều khó khăn và ảnh hưởng tiêu cực từ tình hình thời tiết nên, nên các chỉ số tỷ suất sinh lợi đều ở mức thấp so với mặt bằng chung, cụ thể: trong năm 2015, ROE và ROA đạt lần lượt 5% và 2% .

#### *7.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới.*

Thủy điện Sê San 4A luôn cố gắng cung cấp sản lượng điện ổn định để phục vụ cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội ngày càng tăng của Việt Nam. Với vị trí địa lý thuận lợi, nguồn nước dồi dào, và nằm ở khu vực có hệ thống đường dây truyền tải điện của lưới điện quốc gia Việt Nam đi qua, Nhà máy Sê San 4A có rất nhiều thuận lợi trong việc kết nối với hệ thống truyền tải điện vào miền Nam hay ra miền Bắc, và đồng thời Sê San 4A sẽ sở hữu và tận dụng tối đa được những chuyển biến tích cực của ngành Điện trong những năm tới để góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước Việt Nam.

Từ phân tích về triển vọng phát triển của ngành điện phần trên, có thể thấy định hướng phát triển của Công ty là hoàn toàn phù hợp với định hướng phát triển của ngành Điện, và với chính sách chung của Nhà nước.

## **8. Chính sách đối với người lao động**

### *8.1. Số lượng và cơ cấu lao động*

Tổng số lao động tại thời điểm 31/12/2015 của Công ty là **63 người** với cơ cấu như sau:

*Bảng 11: Cơ cấu lao động tại thời điểm 31/12/2015*

STT	Chỉ tiêu	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
<b>Phân loại theo trình độ</b>			
1	Cán bộ có trình độ đại học, trên đại học	16	25%
2	Cán bộ có trình độ cao đẳng, trung cấp	20	32%
3	Nhân viên kỹ thuật	12	19%
4	Lao động phổ thông/lao động khác	15	24%



<b>Phân loại theo phòng ban chức năng</b>			
1	Ban Giám đốc	2	3%
2	Phòng Tổng hợp	10	16%
3	Phòng Kế hoạch	2	3%
4	Phòng kế toán	3	5%
5	Bộ phận sản xuất	46	73%
<b>Tổng cộng</b>		<b>63</b>	<b>100%</b>

Nguồn: Công ty CP Thủy điện Sê San 4A

## 8.2. Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp

Là đối tác cung cấp điện trực tiếp cho lưới điện Quốc Gia Việt Nam, đơn vị đầu mối mua điện từ Sê San 4A là Công ty Mua bán điện trực thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam và Công ty phải chịu sự giám sát điều hành về sản lượng điện của Trung tâm Điều độ hệ thống Điện quốc gia (A0). Do đó, việc đào tạo CBCNV của Sê San 4A, ngoài việc đáp ứng được chức năng nhiệm vụ theo yêu cầu của công việc còn phải đảm bảo đủ trình độ kỹ thuật quản lý vận hành thiết bị điện theo yêu cầu điều độ của Trung tâm Điều độ hệ thống Điện quốc gia, cụ thể: Trưởng ca phải là người được đào tạo và được cấp chứng chỉ Trưởng ca của Trung tâm điều độ, và các CBCNV khác trước khi trực tiếp vận hành Nhà máy cũng đã được đào tạo lại để nâng cao trình độ nghiệp vụ. Hàng năm, Công ty đều tổ chức thi sát hạch năng lực của CBCNV để bố trí công việc phù hợp với trình độ và để điều chỉnh mức lương thưởng tương xứng với trình độ đã đạt được.

Ngoài lực lượng CBCNV được tuyển dụng và đào tạo khi nhà máy còn đang trong quá trình xây dựng, hàng năm tùy theo yêu cầu thực tế công việc và dự tính nhu cầu nhân lực trong tương lai, Công ty đã tiến hành tuyển dụng thêm đội ngũ nhân lực để đưa đi đào tạo lại hoặc đào tạo tại nhà máy.

Ở các Phòng ban chuyên môn, tùy vị trí và nhu cầu công việc, các CBCNV đều đã được tập huấn nâng cao nghiệp vụ hoặc đưa đi đào tạo để đạt được các yêu cầu, chứng chỉ quy định.

Công ty áp dụng hình thức trả lương khoán theo chức danh và nhiệm vụ được giao. Tùy theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh Sê San 4A đưa ra mức thưởng phù hợp. Công ty luôn đảm bảo thực hiện đầy đủ các quyền lợi của người lao động theo luật định, đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh lao động, môi trường lao động và bảo hộ lao động.

Quan tâm hơn đến đời sống CBCNV, Công ty đã tổ chức thăm hỏi, động viên và ủng hộ về kinh tế cho những người bị bệnh tật, tai nạn hoặc thai sản. Hàng năm hoặc 02 năm 01 lần Công ty tổ chức cho các CBCNV được đi nghỉ dưỡng nhằm nâng cao tinh thần, cải thiện sức khỏe để từ đó nâng cao hiệu quả làm việc.

## 9. Chính sách cổ tức

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị Công ty đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định. Mức cổ tức được chi trả cho cổ đông trong giai đoạn 2013 – 2015 như sau:

**Bảng 12: Lịch sử chi trả cổ tức**

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng cổ tức chi trả (đồng)	63.300.000.000	84.400.000.000	63.300.000.000
Cổ tức bằng tiền (đồng/cp)	1.500	2.000	1.500
Tỷ lệ cổ tức trên mệnh giá	15%	20%	5%
Tình trạng	Đã thanh toán	Đã thanh toán	Đã thanh toán 5% bằng tiền

Nguồn: Công ty CP Thủy điện Sê San 4A

## 10. Tình hình hoạt động tài chính

### 10.1. Các chỉ tiêu cơ bản

#### a. Trích khấu hao tài sản cố định

Công ty CP Thủy điện Sê San 4A trích khấu hao tài sản cố định theo phương pháp đường thẳng, dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Mức khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

**Bảng 13: Chi tiết khấu hao tài sản**

STT	Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	3 – 46
2	Máy móc thiết bị	3 – 25
3	Phương tiện truyền tải, truyền dẫn	3 - 6
4	Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 5

#### b. Mức lương bình quân

Trong năm 2015, mức thu nhập bình quân của CBCNV Công ty đạt 8,8 triệu đồng/người/tháng. So với các Nhà máy thủy điện nhỏ khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai thì mức thu nhập này tương đối cao. Và nếu so sánh với thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn tỉnh thì mức thu nhập này là cao.

#### c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán các khoản nợ đầy đủ và đúng hạn, và không có nợ quá hạn đến thời điểm hiện tại. Đây cũng là một lợi thế của Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho các dự án của mình một cách dễ dàng với chi phí lãi vay ưu đãi nhất.

#### d. Các khoản phải nộp theo luật định

Các khoản phải nộp theo luật định như: các loại thuế, phí và lệ phí,... luôn được Công ty thực hiện tốt, hoàn thành nghĩa vụ của mình.

**Bảng 14:** Số dư các khoản Thuế, phí phải nộp

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Thuế GTGT	3.011.554.534	1.404.812.393	1.334.230.993
Thuế TNDN	10.131.875	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	299.223.016	1.077.889.715	45.608.546
Thuế tài nguyên	1.136.268.764	984.889.093	1.064.863.899
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	4.588.682.000	1.548.752.380	1.159.608.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>9.045.860.189</b>	<b>5.016.343.581</b>	<b>3.604.311.438</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

#### e. Trích lập các quỹ theo luật định

Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, việc trích lập và sử dụng các quỹ hàng năm sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Công ty thực hiện việc trích lập các quỹ theo Điều lệ tổ chức và theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và quy định của pháp luật hiện hành.

**Bảng 15:** Tình hình số dư các quỹ

Đơn vị: đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
1	Quỹ đầu tư phát triển	-	8.343.512.416	11.891.593.442
2	Quỹ dự phòng tài chính	4.935.000.000	-	-
3	Quỹ khen thưởng phúc lợi	2.497.427.004	2.862.577.899	2.501.512.523

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

#### f. Tổng dư nợ vay

- Vay và nợ ngắn hạn

Các khoản vay ngắn hạn của Công ty là nợ dài hạn đến hạn trả

**Bảng 16: Chi tiết Nợ vay ngắn hạn**

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>72.170.000.000</b>	<b>57.728.000.000</b>	<b>31.851.000.000</b>
- NH TMCP Đầu tư và Phát triển VN	72.170.000.000	57.728.000.000	65.022.000.000
<b>Tổng Vay ngắn hạn</b>	<b>72.170.000.000</b>	<b>57.728.000.000</b>	<b>65.022.000.000</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

- Vay và nợ dài hạn

**Bảng 17: Chi tiết nợ vay dài hạn**

Đơn vị: đồng

Nội dung	Mục đích vay	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Ngân hàng BIDV – CN Gia Lai (VND)	Xây dựng Thủy điện Sê San 4A	857.099.550.000	822.805.720.000	821.419.030.000
<b>Tổng vay dài hạn</b>		<b>857.099.550.000</b>	<b>822.805.720.000</b>	<b>821.419.030.000</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

Khoản vay dài hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2008/HĐTD ngày 15/01/2008 với BIDV – CN Gia Lai với điều khoản chi tiết như sau:

- Mục đích vay: Xây dựng Thủy điện Sê San 4A
- Thời gian vay: 18 năm
- Lãi suất cho vay: lãi suất cho vay được xác định bằng lãi suất bán vốn nội bộ do BIDV thông báo cộng thêm phí ngân hàng là 2,5%/năm đối với khoản vay VND và phí ngân hàng là 2%/năm đối với khoản vay USD và được điều chỉnh vào ngày 26 hàng tháng.
- Tài sản thế chấp nợ vay là toàn bộ tài sản dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A.
- Số dư nợ vay đến 31/12/2015 chi tiết bao gồm:
  - (a) Dư nợ vay USD: 26.730.000 USD tương đương 601.719.030.000 VND
  - (b) Dư nợ vay VND: 219.700.000.000 VND

- Hiện tại, Công ty không có nợ quá hạn.

## g. Tình hình công nợ hiện nay

**Bảng 18:** Các khoản phải thu ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Phải thu của khách hàng	73.497.533.293	37.299.343.904	29.974.878.748
Trả trước cho người bán	668.923.637	1.888.770.375	30.000.000
Các khoản phải thu khác	14.217.239	105.576.517	2.349.727.142
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	-	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>74.180.674.169</b>	<b>39.293.690.796</b>	<b>32.354.605.890</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

**Bảng 19:** Các khoản phải trả ngắn hạn

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Phải trả người bán	490.338.576	1.083.367.383	416.479.817
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.045.860.189	5.016.343.581	3.604.311.438
Chi phí phải trả ngắn hạn	-	1.275.790.158	1.193.364.221
Phải trả ngắn hạn khác	10.120.219.519	973.880.120	738.423.850
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.497.427.004	2.862.577.899	2.501.512.523
<b>Tổng cộng</b>	<b>22.153.845.288</b>	<b>11.211.959.141</b>	<b>8.454.091.849</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

## 10.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

**Bảng 20:** Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>				
Hệ số thanh toán ngắn hạn = TSLĐ/ Nợ ngắn hạn	Lần	1,01	1,46	1,50
Hệ số thanh toán nhanh =(TSLĐ-Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,87	1,29	1,48
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>				
Hệ số nợ/tổng tài sản	Lần	0,70	0,68	0,65
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu	Lần	2,31	2,09	1,82
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>				
Vòng quay hàng tồn kho = Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ	Vòng	7,88	7,03	13,83

Vòng quay tổng tài sản =DTT/Tổng tài sản BQ	vòng	0,20	0,21	0,18
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>				
Hệ số LNST/DTT	%	25	32	10
Hệ số LNST/vốn chủ sở hữu BQ	%	16	21	5
Hệ số LNST/tổng tài sản BQ	%	5	7	2
Hệ số LN từ HĐKD/ DTT	%	25	33	10
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	1.603	2.149	538

Nguồn: BCTC kiểm toán 2013, 2014 và 2015 của Sê San 4A

- Khả năng thanh toán của doanh nghiệp là một chỉ tiêu quan trọng phản ảnh năng lực tài chính mà doanh nghiệp có được để đáp ứng nhu cầu thanh toán các khoản nợ. Các hệ số thanh toán ngắn hạn và thanh toán nhanh của Sê San 4A được duy trì ổn định và an toàn qua các năm, đảm bảo yêu cầu doanh nghiệp hoàn thành được nghĩa vụ trả nợ khi đến hạn, cụ thể: trong năm 2015, hệ số thanh toán nhanh và ngắn hạn lần lượt đạt 1,48 và 1,50 lần, duy trì ở mức ổn định lớn hơn 1.
- Hệ số cơ cấu vốn: Tỷ lệ Nợ/ Tổng tài sản 2015 của Công ty là 0,65. Toàn bộ khoản vay của Công ty đều vay từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam từ năm 2008 để tài trợ cho Dự án Nhà máy Thủy điện Sê San 4A. Tỷ lệ VCSH/ Tổng NV ở mức khoảng 0,35%, cho thấy tỷ lệ tự chủ tài chính của Công ty là khá cao, và mức độ an toàn khá cao đối với chiến lược đầu tư dài hạn sắp tới của Công ty.
- Các chỉ tiêu về khả năng sinh lời: Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty qua các năm duy trì ổn định và hiệu quả thể hiện qua các chỉ tiêu về khả năng sinh lời từ năm 2012 đến 2014. Song trong năm 2015, kết quả kinh doanh gặp nhiều bất lợi nên các chỉ tiêu về khả năng sinh lợi có sự suy giảm so với giai đoạn trước đó. Cụ thể: các chỉ tiêu về hệ số LNST/ Tổng tài sản và LNST/VCSH trong năm 2015 đạt lần lượt 2% và 5%, thấp hơn mức 7% và 21% tương ứng của năm 2014.

## 11. Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban TGD và Kế toán trưởng

### 11.1. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Hội đồng Quản trị

**Bảng 21:** Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CMND
1	Ông Nguyễn Sinh	70	Chủ tịch HĐQT	230013053
2	Phạm Văn Minh	65	Thành viên HĐQT	010083570
3	Bà Ngô Thị Thu Hoa	53	Thành viên HĐQT	024789733
4	Ông Nguyễn An	32	Thành viên HĐQT	230570146
5	Ông Nguyễn Bình	33	Thành viên HĐQT kiêm TGD	230554426
6	Ông Thái Như Hiệp	53	Thành viên HĐQT	024178253

✚ Sơ yếu lý lịch thành viên HĐQT

### Ông Nguyễn Sinh – Chủ tịch HĐQT

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/07/1945
Nơi sinh	:	Phú Vang, Thừa Thiên Huế
Số CMND	:	230013053 do Công An Gia Lai cấp ngày 25/08/2005
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phú Vang, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	:	Tổ 3, Phường Thắng Lợi, Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác		
1992	2007	: Giám đốc Công ty TNHH 30/4 Gia Lai
2007	2012	: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
2012	Nay	: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
Chức vụ hiện nay	:	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần thủy điện Sê San 4A
Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại	:	Từ 2007 đến nay.
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH 30/4 Gia Lai
Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	<b>23.199.733 cổ phiếu</b> chiếm 54,89%VĐL, bao gồm: - Cá nhân nắm giữ: <b>493.830 cổ phiếu</b> - Đại diện sở hữu: <b>22.705.903 cổ phiếu</b> (đại diện vốn của Công ty TNHH 30/4 Gia Lai)
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Hưởng cổ tức hàng năm
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định Công ty
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	- Vợ: Thái Thị Mịn sở hữu 368.000 cổ phiếu - Con: Nguyễn Bình sở hữu 180.000 cổ phiếu - Con: Nguyễn An sở hữu 100.000 cổ phiếu - Em: Nguyễn Chiến sở hữu 12.000 cổ phiếu - Em: Nguyễn Pháp sở hữu 30.000 cổ phiếu - Em: Nguyễn Thị Những sở hữu 10.000 cổ phiếu

## Ông Phạm Văn Minh – Thành viên HĐQT

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	Ngày 10 tháng 12 năm 1950
Nơi sinh	:	Xã Cẩm Nhượng, huyện Cẩm Xuyên, tỉnh Hà Tĩnh
Số CMND	:	010083570 do Công an Hà nội cấp ngày 02/10/2000
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Xã Cẩm Nhượng huyện Cẩm Xuyên tỉnh Hà Tĩnh
Địa chỉ thường trú	:	13 ngách 64/33 ngõ 64 phố Nguyễn Lương Bằng phường Ô Chợ Dừa thành phố Hà Nội
Trình độ văn hóa	:	10/10
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư Điện
<b>Quá trình công tác</b>		
04/1975	12/1994	: Chuyên viên Lao động Tiền lương của: Vụ Lao động Tiền lương Bộ Điện và Than; Vụ Lao động Tiền lương Bộ Điện lực; Vụ Lao động Tiền lương Bộ Năng Lượng
01/1995	01/2000	: Phó trưởng Ban Tổ chức Lao động Tổng Công ty Điện lực Việt Nam
02/2000	07/2008	: Trưởng Ban Lao động Tiền lương Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Tập đoàn Điện lực Việt Nam
08/2008	12/2010	: Phó Trưởng Ban hàm Trưởng Ban Tổ chức Nhân sự Tập đoàn Điện lực Việt Nam kiêm Chủ tịch Công đoàn Cơ quan Tập đoàn Điện lực Việt Nam
01/2011	Nay	: Nghỉ hưu theo chế độ quy định
Chức vụ hiện nay	:	Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại	:	Từ 2007 đến nay
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không có
Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	<b>59.500 cổ phiếu</b> chiếm 0,14%VĐL, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nắm giữ: <b>59.500 cổ phiếu</b></li> <li>- Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Cổ tức hàng năm
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định Công ty
Những người có liên quan và số lượng cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	Vợ: Nguyễn Thị Miêng sở hữu 176.300 Cổ phiếu Con: Phạm Thị Quỳnh Vân sở hữu 3.650 Cổ phiếu



Con: Phạm Quỳnh Nga sở hữu 6.500 cổ phiếu

### **Bà Ngô Thị Thu Hoa – Thành viên HĐQT**

Giới tính : Nữ

Ngày tháng năm sinh : 17/03/1962

Nơi sinh : Cát Chánh, Phù Cát, Bình Định

Số CMND : 024789733 do Công An TP Hồ Chí Minh cấp ngày 01/10/2007

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Quê quán : Cát Chánh, Phù Cát, Bình Định

Địa chỉ thường trú : 43 Trần Phú, Pleiku, Gia Lai

Trình độ văn hóa : 09/12

Trình độ chuyên môn : Không có

Quá trình công tác :

---

1999 Nay : Giám đốc Xí nghiệp Tư doanh Trung Sơn

---

Chức vụ hiện nay : Thành viên HĐQT

Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại : Từ 2007 đến nay

Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Giám đốc XN Tư doanh Trung Sơn,  
Thành Viên HĐQT Công ty An Phú Thịnh  
Chủ tịch HĐQT Công ty Song Phú, Thừa Thiên Huế.

Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : **2.200.200 cổ phiếu** chiếm 5,21%VĐL, bao gồm:  
- Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu  
- Đại diện nắm giữ: **2.200.200 cổ phiếu** ( đại diện vốn của Xí nghiệp Tư doanh Trung Sơn)

Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Hưởng cổ tức hàng năm

Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định Công ty

Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu S4A : Không có

### **Ông Nguyễn An – Thành viên HĐQT**

Giới tính : Nam

Ngày tháng năm sinh : 10/05/1983

Nơi sinh : Phú Vang, Thừa Thiên Huế

Số CMND : 230428111 do Công An Gia Lai cấp ngày 24/08/2004

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phú Vang, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	:	468 Lê Duẩn – P.Thắng Lợi – TP.Pleiku – Gia Lai
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử Nhân kinh tế
Quá trình công tác	:	
2009	Nay	: Giám đốc – Công ty TNHH 30/4 Gia Lai
Chức vụ hiện nay	:	Thành viên HĐQT
Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại	:	Từ 2014 đến nay
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Giám đốc – Công ty TNHH 30/4 Gia Lai
Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	<b>100.000 cổ phiếu</b> chiếm 0,24%VĐL, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nắm giữ: <b>100.000 cổ phiếu</b></li> <li>- Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty	:	Hưởng cổ tức hàng năm
Thù lao và các khoản lợi ích khác	:	Theo quy định Công ty
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu S4A	:	Mẹ - Thái Thị Mìn sở hữu: 368.000 cổ phiếu Bố - Nguyễn Sinh sở hữu: 493.830 cổ phiếu Vợ - Đặng Thị Thủy Trang sở hữu 100.000 cổ phiếu Anh - Nguyễn Bình sở hữu: 180.000 cổ phiếu

### **Ông Nguyễn Bình – Thành viên HĐQT**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	16/8/1982
Nơi sinh	:	Phú Vang, Thừa Thiên Huế
Số CMND	:	230554426 do Công An Gia Lai cấp ngày 02/03/2009
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Phú Vang, Thừa Thiên Huế
Địa chỉ thường trú	:	528A Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Cử nhân
Quá trình công tác	:	
2008	2010	: Thư ký kiêm Trợ lý Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần

		Thủy điện Sê San 4A
2010	2012	: Phó TGD Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
2012	Nay	: Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
Chức vụ hiện nay		: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại		: Từ 2012 đến nay
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Sao Việt Gia Lai
Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ		: <b>180.000 cổ phiếu</b> chiếm 0,43%VĐL, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nắm giữ: <b>180.000 cổ phiếu</b></li> <li>- Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty		: Không
Lợi ích liên quan đối với Công ty		: Hưởng cổ tức hàng năm
Thù lao và các khoản lợi ích khác		: Theo quy định Công ty
Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu S4A		: Mẹ - Thái Thị Mìn sở hữu: 368.000 cổ phiếu Bố - Nguyễn Sinh sở hữu: 493.830 cổ phiếu Vợ- Lê Vũ Dạ Uyên sở hữu: 187.142 cổ phiếu Em - Nguyễn An sở hữu: 100.000 cổ phiếu

### Ông Thái Như Hiệp – Thành viên HĐQT


Giới tính		: Nam
Ngày tháng năm sinh		: 27/10/1963
Nơi sinh		: Đà Nẵng
Số CMND		: 024178253 do Công An Tp.HCM cấp ngày 11/04/2009
Quốc tịch		: Việt Nam
Dân tộc		: Kinh
Quê quán		: Đà Nẵng
Địa chỉ thường trú		: 404 Lê Duẩn, P. Thắng Lợi, Tp.Pleiku, Gia Lai
Trình độ văn hóa		: 12/12
Trình độ chuyên môn		: Cử nhân QTKD
Quá trình công tác		:
1999	2003	: Điều hành, quản lý DNTN Vĩnh Hiệp
2004	Nay	: Giám đốc, điều hành, quản lý Công ty TNHH Vĩnh Hiệp
Chức vụ hiện nay		: Thành viên HĐQT
Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại		: Từ tháng 03/2016 đến nay
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác		: Giám đốc Công ty TNHH Vĩnh Hiệp

- Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : **4.844.089 cổ phiếu** chiếm 11,48%VĐL, bao gồm:
- Cá nhân nắm giữ: 0 cổ phiếu
  - Đại diện nắm giữ: **4.844.089 cổ phiếu**
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Lợi ích liên quan đối với Công ty : Hưởng cổ tức hàng năm
- Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định Công ty
- Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu S4A : Không có

### 11.2. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban Kiểm soát

**Bảng 22: Danh sách thành viên Ban kiểm soát**

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ tại công ty	CMND
1	Ông Lê Văn Thuyết	48	Trưởng Ban Kiểm soát	230859598
2	Bà Lê Thị Tuyết Lan	37	Thành viên Ban Kiểm soát	230525029
3	Ông Đỗ Tiên	53	Thành viên Ban Kiểm soát	230026823

 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Kiểm soát:

#### **Ông Lê Văn Thuyết – Trưởng Ban kiểm soát**

- Giới tính : Nam
- Ngày tháng năm sinh : 20/11/1967
- Nơi sinh : Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Số CMND : 230859598 do Công an tỉnh Gia Lai cấp ngày 22/5/2007
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Xã Điện Ngọc, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng Nam
- Địa chỉ thường trú : 2/197 Nguyễn Tất Thành, Pleiku, Tỉnh Gia Lai
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :
- |      |      |  |
|------|------|--|
| 1992 | 1996 | : Kế toán tổng hợp Ban quản lý thủy điện Yaly            |
| 1997 | 2000 | : Phó phòng tài chính kế toán Ban Quản lý thủy điện Ialy |
| 2001 | 2010 | : KTT Công ty Thủy điện Ialy                             |
| 2010 | Nay  | : Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Ialy                    |
- Chức vụ hiện nay : Trưởng Ban kiểm soát

Thời gian đảm nhiệm chức vụ hiện tại : Từ 2010 đến nay  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Phó Giám đốc Công ty Thủy điện Ialy  
 Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : **40.000 cổ phiếu** chiếm 0,09%VĐL, bao gồm:  
     - Cá nhân nắm giữ: **40.000 cổ phiếu**  
     - Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Thù lao thành viên BKS  
 Những người có liên quan hiện đang nắm giữ cổ phiếu S4A : Không có

### **Bà Lê Thị Tuyết Lan – Thành viên Ban Kiểm soát**

Giới tính : Nữ  
 Ngày tháng năm sinh : 29/10/1978  
 Nơi sinh : Gia Lai  
 Số CMND : 230525029 do Công An Gia Lai - cấp ngày 11/02/2010  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Phù Cát - Bình Định  
 Địa chỉ thường trú : 402 Hùng Vương, Pleiku, Tỉnh Gia Lai  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Đại học  
 Quá trình công tác :  
 1999 Nay : Kế toán Công ty TNHH 30/4 Gia Lai  
 Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát  
 Thời gian đảm nhận chức vụ hiện tại : Từ 2010 đến nay  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán Công ty TNHH 30/4 Gia Lai  
 Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : **15.000 cổ phiếu** chiếm 0,04%VĐL, bao gồm:  
     - Cá nhân nắm giữ: **15.000 cổ phiếu**  
     - Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Hưởng cổ tức hàng năm  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Theo quy định Công ty  
 Những người có liên quan hiện đang : Không có  
 nắm giữ cổ phiếu S4A

### **Ông Đỗ Tiên – Thành viên Ban kiểm soát**

Giới tính : Nam  
 Ngày tháng năm sinh : 01/06/1962  
 Nơi sinh : Phù Mỹ, Bình Định,  
 Số CMTND : 230026823 do Công An Gia Lai - cấp ngày 27/03/2017  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Phù Mỹ, Bình Định,  
 Địa chỉ thường trú : 129 Trường Chinh, Pleiku, Gia Lai  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Đại học  
 Quá trình công tác :

1992 Nay : Kế toán Công ty TNHH 30/4 Gia Lai

Chức vụ hiện nay : Thành viên Ban Kiểm soát  
 Thời gian đảm nhận chức vụ hiện tại : Từ 2012 đến nay  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Kế toán trưởng - Công ty TNHH 30/4 Gia Lai  
 Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : **15.000 cổ phiếu** chiếm 0,04%VĐL, bao gồm:  
 - Cá nhân nắm giữ: **15.000 cổ phiếu**  
 - Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu

Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Hưởng cổ tức hàng năm  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Hưởng thù lao theo quy định của Công ty  
 Những người có liên quan hiện đang : Không có  
 nắm giữ cổ phiếu S4A

### 11.3. Danh sách và sơ yếu lý lịch các thành viên Ban TGD và KTT

**Bảng 23: Danh sách thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng**

STT	Họ và tên	Tuổi	Chức vụ	CMND
1	Nguyễn Bình	33	TV HĐQT kiêm TGD	230554426
2	Trần Đức Hiền	43	Phó Tổng Giám đốc	230679297
3	Vũ Thị Hậu	37	Kế toán trưởng	230520275

 Sơ yếu lý lịch thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng:

#### **Ông Nguyễn Bình – Thành viên HĐQT kiêm TGD**

*Xem chi tiết lý lịch tại phần Thành viên Hội đồng Quản trị*

#### **Ông Trần Đức Hiền – Phó Tổng Giám đốc**

Giới tính	:	Nam
Ngày tháng năm sinh	:	05/05/1972
Nơi sinh	:	Huyện Điện Bàn - tỉnh Quảng nam
Số CMND	:	230679297 do Công An tỉnh Gia Lai cấp ngày 23/01/2008
Quốc tịch	:	Việt Nam
Dân tộc	:	Kinh
Quê quán	:	Thị trấn Vĩnh Điện, Huyện Điện Bàn, Tỉnh Quảng nam
Địa chỉ thường trú	:	16 A Phan Đăng Lưu – Pleiku – Gia lai
Trình độ văn hóa	:	12/12
Trình độ chuyên môn	:	Kỹ sư điện
Quá trình công tác	:	
07/1994	04/2004	: Công ty xuất Nhập khẩu tỉnh Gia lai
05/2004	09/2010	: Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Sê San 3A
10/2010	Nay	: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A
Chức vụ hiện nay	:	Phó TGD kiêm Quản đốc phân xưởng vận hành
Thời gian đảm nhận chức vụ hiện tại	:	Từ 2010 đến nay
Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác	:	Không
Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ	:	<b>44.560 cổ phiếu</b> chiếm 0,11%VĐL, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Cá nhân nắm giữ: <b>44.560 cổ phiếu</b></li> <li>- Đại diện nắm giữ: 0 cổ phiếu</li> </ul>
Các khoản nợ đối với Công ty	:	Không

Lợi ích liên quan đối với Công ty : Hưởng cổ tức hàng năm  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không  
 Những người có liên quan hiện đang : Không có  
 nắm giữ cổ phiếu S4A

**Bà Vũ Thị Hậu – Kế toán trưởng**

Giới tính : Nữ  
 Ngày tháng năm sinh : 16/05/1978  
 Nơi sinh : Gia Lai  
 Số CMND : 230520275 do Công An tỉnh Gia lai cấp ngày 21/10/2010  
 Quốc tịch : Việt Nam  
 Dân tộc : Kinh  
 Quê quán : Phù Cát, Bình Định  
 Địa chỉ thường trú : Phường Ia Kring – Pleiku – Gia lai  
 Trình độ văn hóa : 12/12  
 Trình độ chuyên môn : Cử Nhân  
 Quá trình công tác :

---

02/2000	12/2002	: Kế toán Bưu điện huyện Chưprong
01/2003	08/2007	: Kế toán Công ty điện báo điện thoại Gia Lai
09/2007	01/2012	Kế toán Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A
02/ 2012	Nay	: Kế toán trưởng Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A

---

Chức vụ hiện nay : Kế toán trưởng Công ty cổ phần thủy điện Sê San 4A  
 Thời gian đảm nhận chức vụ hiện tại : Từ 2012 đến nay  
 Chức vụ hiện đang nắm giữ ở các tổ chức khác : Không  
 Số cổ phiếu S4A hiện đang nắm giữ : Không  
 Các khoản nợ đối với Công ty : Không  
 Lợi ích liên quan đối với Công ty : Không  
 Thù lao và các khoản lợi ích khác : Không  
 Những người có liên quan hiện đang : Anh – Vũ Đình Hạnh sở hữu: 10.000 cổ phiếu  
 nắm giữ cổ phiếu S4A



## 12. Tài sản

### a. Tình hình tài sản

**Bảng 24:** Chi tiết Tài sản tại 31/12/2015

Đơn vị: đồng

Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
<b>I. TSCĐ hữu hình</b>	<b>1.378.655.535.982</b>	<b>212.988.559.263</b>	<b>1.165.666.976.719</b>
Nhà cửa, vật kiến trúc	448.069.189.525	50.554.851.831	397.514.337.694
Máy móc thiết bị	924.414.521.761	157.595.153.833	766.819.367.928
Phương tiện vận tải	5.948.887.180	4.618.282.747	1.330.604.433
Thiết bị dụng cụ quản lý	222.937.516	220.270.852	2.666.664
<b>II. TSCĐ vô hình</b>	<b>3.400.000.000</b>	<b>0</b>	<b>3.400.000.000</b>
Quyền sử dụng đất	3.400.000.000	0	3.400.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.382.055.535.982</b>	<b>212.988.559.263</b>	<b>1.169.066.976.719</b>

Nguồn: BCTC kiểm toán 2015 của Sê San 4A

### b. Bất động sản

**Bảng 25:** Danh mục đất thuộc quyền quản lý và sử dụng của Công ty

STT	Mục đích sử dụng	Địa chỉ	Diện tích	Tình trạng sở hữu
1	Văn phòng công ty	650 Lê Duẩn, Pleiku, Gia Lai	1.300 m <sup>2</sup>	Công ty sở hữu 100%
2	Nhà máy	Xã Iao, Huyện Iagrai, Gia Lai	19 ha	Công ty sở hữu 100%

### 13. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong năm tiếp theo

Kế hoạch doanh thu và cổ tức của Công ty được trình bày trong bảng sau:

**Bảng 26: Kế hoạch Lợi nhuận và cổ tức 2016 - 2017**

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016		Năm 2017	
	Thực hiện	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ TH 2015	Kế hoạch	% tăng (giảm)/ KH 2016
DTT (triệu đồng)	228.586	228.945	0,16%	266.992	16,62%
LNST (triệu đồng)	22.695	45.723	101,47%	79.157	73,12%
Vốn điều lệ (triệu đồng)	422.000	422.000	-	422.000	-
Vốn chủ sở hữu (triệu đồng)	411.655	464.000	0,65%	467.000	0,65%
Tỷ lệ LNST/DTT	9,93%	19,97%	101,15%	29,65%	48,45%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH bình quân	5,14%	10,44%	103,11%	17,00%	62,84%
Cổ tức	5%	10,83%	116,60%	18,76%	73,22%

Nguồn: Sơ San 4A

#### **Căn cứ để đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

##### **Căn cứ xây dựng kế hoạch năm 2016**

Năm 2016 được đánh giá là một năm đầy khó khăn thách thức với nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của công ty bị tác động bởi 02 yếu tố chính có khả năng ảnh hưởng lớn đến kết quả sản xuất kinh doanh của công ty:

- **Yếu tố thứ nhất:** Về sản xuất điện năng, do ảnh hưởng của hiện tượng thời tiết El Nino nên tình hình khí tượng thủy văn ở khu vực Tây Nguyên lượng mưa trong năm 2015 giảm 30 đến 40% lượng mưa trung bình nhiều năm do đó lượng nước trên các hồ chứa trên dòng sông Sê San giảm, dự báo hiện tượng El Nino sẽ còn kéo dài đến hết mùa khô năm 2016, do đó lưu lượng nước về hồ tiếp tục giảm dẫn đến 06 tháng đầu năm 2016 Nhà máy thủy điện Sê San 4A chỉ duy trì phát điện được 01 tổ máy, nên việc sản xuất điện sẽ tập trung vào các tháng cuối năm. Do đó, sản lượng điện sản xuất trong năm dự kiến tương đương sản lượng của năm 2015 và bằng 85% công suất thiết kế. Theo đó, mức sản lượng điện sản xuất và doanh thu tương đương 2015.
- **Yếu tố thứ hai:** Năm 2016 mặc dù sản lượng và doanh thu tương đương năm 2015 nhưng mức Chi phí tài chính sẽ biến động giảm do các nguyên nhân:
  - i) Lãi vay giảm do dư nợ gốc giảm;

- ii) Chi phí chênh lệch tỷ giá trong giai đoạn đầu tư đã phân bổ xong trong năm 2015 (giá trị khoảng 16,4 tỷ đồng) do đó trong năm 2016 sẽ không phát sinh thêm khoản mục chi phí này;
- iii) Do tình hình dư nợ vay bằng đồng USD của Sê San 4A tại Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Gia Lai đến tại thời điểm 31/12/2015 là 26,73 triệu USD với tình hình biến động tỷ giá tăng đột biến như trong năm 2015 là 5,23% và dự báo năm 2016 là khoảng 5%, do đó yếu tố tỷ giá các chi phí tài chính liên quan đến biến động tỷ giá cũng sẽ tương đương 2015.

Căn cứ XD kế hoạch năm 2017:

- **Về sản lượng:** Sản lượng điện thiết kế của Công ty là sản lượng bình quân hàng năm được đơn vị Tư vấn thiết kế tính toán dựa trên tính toán thủy văn nhiều năm trên lưu vực của Sông Sê San, đây là cơ sở để Công ty xây dựng kế hoạch kinh doanh cho năm 2017. Nếu không có hiện tượng bất thường thì đây là con số rất khả quan vì trong các năm 2012, 2103, 2014 sản lượng điện đều vượt con số này, cụ thể: 2012: 373,8 triệu kWh; 2013: 344,1 triệu kWh và năm 2014 là 348,9 triệu kWh, năm 2015 sản lượng giảm là do hiện tượng bất thường của thời tiết..
- **Về chi phí:** Chi phí biến động giảm chủ yếu là do chi phí lãi vay giảm vì giảm dư nợ gốc do đó chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế tăng gấp 2 lần so với năm 2016. *(việc xây dựng kế hoạch trên là dự báo và sẽ được công ty điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế trình ĐHĐCĐ thường niên hàng năm).*

Để đảm bảo đảm hoàn thành theo đúng kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra, Công ty đã đề ra các biện pháp khắc phục các khó khăn, phát huy tối đa năng lực sản xuất để hoàn thành kế hoạch đề ra cho giai đoạn 2016 – 2017, cụ thể như sau:

*Về quản lý vận hành sản xuất điện:*

- Thuê đơn vị ngoài thực hiện duy tu, sửa chữa thiết bị các tháng mùa khô theo đúng kế hoạch bảo dưỡng, sửa chữa định kỳ được HĐQT thông qua.
- Trong mùa khô khai thác tối đa nguồn nước về hồ để chạy máy phát điện với công suất tối đa để tăng hiệu quả vận hành, về mùa mưa kết hợp với các đơn vị bậc thang phía trên để tận dụng nguồn về hồ nhằm phát điện hết công suất của tổ máy.
- Xây dựng kế hoạch vận hành, khoa học, hiệu quả, tiết kiệm giảm lượng điện tự dùng nhà máy đến mức thấp nằm trong khoảng 0,8 – 1,0%.

*Đối với công tác điều hành sản xuất kinh doanh:*

- Duy trì mối quan hệ tốt với các đơn vị Trung tâm điều độ hệ thống điện Quốc gia Ao để vận hành sản lượng đạt kế hoạch đã được duyệt, với Công ty Mua bán điện để thu hồi công nợ tiền điện hàng tháng kịp thời đáp ứng nguồn vốn phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Xây dựng, hoàn thiện bộ máy quản lý, điều hành Công ty theo quy định quản trị công ty đại chúng để tăng hiệu quả điều hành sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng thiết bị thường xuyên tại Nhà máy, mua sắm vật tư, thiết bị dự phòng đáp ứng nhu cầu vận hành, giảm lượng hàng tồn kho, dự phòng thấp nhất.

#### **14. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Trên cơ sở thu thập thông tin, phân tích thực trạng hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hiện nay của Sê San 4A, BSC đánh giá kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm 2016 của Sê San 4A là thận trọng và khả thi, nếu không chịu ảnh hưởng bởi các sự kiện bất khả kháng tác động đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

BSC xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét của chúng tôi được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn, dựa trên những cơ sở thông tin được thu thập có tính chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính, chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của chứng khoán cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Các nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

#### **15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức đăng ký niêm yết**

Không có.

#### **16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu niêm yết**

Không có.

## PHẦN 5. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT

### 1. Loại chứng khoán

Cổ phiếu phổ thông

### 2. Mệnh giá

10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*)

### 3. Tổng số chứng khoán niêm yết

- Số lượng cổ phiếu đăng ký niêm yết: **42.200.000 cổ phiếu**  
(*Bốn mươi hai triệu hai trăm nghìn cổ phiếu*)
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký niêm yết: **422.000.000.000 đồng**  
(*Bốn trăm hai mươi hai tỷ đồng*)

### 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc tổ chức niêm yết

Theo quy định tại mục đ Khoản 01 Điều 53 của Nghị định 58/2012/NĐ-CP ngày 20/07/2012 của Chính phủ: *cổ đông là cá nhân, tổ chức có đại diện sở hữu là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của công ty; cổ đông lớn là người có liên quan với Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc) và Kế toán trưởng của Công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phần này trong thời gian 06 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 06 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ.*

Số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ khi niêm yết của Công ty như sau:

**Bảng 27: Thông tin cam kết nắm giữ cổ phiếu khi niêm yết**

TT	Cổ đông	Chức vụ	Tổng số lượng cổ phiếu cam kết nắm giữ	Tỷ lệ
1.	Công ty TNHH 30-4 Gia Lai	<i>Đại diện vốn:</i> Ông Nguyễn Sinh – Chủ tịch HĐQT	22.705.903	53,81%
2.	Xí nghiệp tư doanh Trung Sơn	<i>Đại diện vốn:</i> Bà Ngô Thị Thu Hoa – TV HĐQT	2.200.200	5,21%
3.	Công ty TNHH Vĩnh Hiệp	<i>Đại diện vốn:</i> Ông Thái Như Hiệp – TV HĐQT	4.844.089	11,48%
4.	Nguyễn Sinh	Chủ tịch HĐQT	493.830	1,17%
5.	Nguyễn Bình	TV. HĐQT kiêm TGD	180.000	0,43%

6.	Phạm Văn Minh	TV. HĐQT	59.500	0,14%
7.	Nguyễn An	TV. HĐQT	100.000	0,24%
8.	Ngô Thị Thu Hoa	TV.HĐQT	-	-
9.	Lê Văn Thuyết	Trưởng ban KS	40.000	0,09%
10.	Lê Thị Tuyết Lan	TV. BKS	15.000	0,04%
11.	Đỗ Tiên	TV. BKS	15.000	0,04%
12.	Trần Đức Hiên	P.TGD	44.560	0,11%
13.	Vũ Thị Hậu	KTT	-	-
<b>Tổng cộng</b>			<b>30.698.082</b>	<b>72,75%</b>

### 5. Phương pháp tính giá

Giá tham chiếu dự kiến của cổ phiếu trong ngày giao dịch đầu tiên được xác định dựa trên việc tham khảo kết quả định giá cổ phiếu của Công ty theo 3 phương pháp sau đây:

- Giá trị sổ sách
- Phương pháp so sánh theo P/B (Giá trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần).

Chúng tôi sử dụng số liệu của một số công ty hiện đang niêm yết, có cùng ngành nghề hoạt động với Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A để làm so sánh. Cơ sở để lựa chọn một số công ty thực hiện so sánh như sau:

- Tương đồng về ngành nghề hoạt động: đều là doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thủy điện.
- Đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM hoặc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Có đủ dữ liệu so sánh.

Trên cơ sở đó, chúng tôi lựa chọn 3 công ty sau để làm căn cứ cho việc định giá cổ phần của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A, bao gồm:

Tên Công ty	Mã chứng khoán	Niêm yết tại	Tổng công suất thiết kế
Công ty CP Thủy điện Miền Nam	SHP	HSX	122,5 MW
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	TMP	HSX	150MW
Công ty CP Thủy điện Thác Bà	TBC	HSX	110 MW

**a. Giá trị sổ sách của Công ty**

Giá trị sổ sách của Công ty được xác định như sau:

$$\text{Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – TSCĐ Vô hình}}{\text{Số lượng cổ phiếu đang lưu hành}}$$

Theo BCTC kiểm toán năm 2013, 2014 và 2015 của Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A thì số liệu để tính giá trị sổ sách như sau:

Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Tổng vốn chủ sở hữu (đồng)	411.655.592.140	426.680.709.979	456.587.083.385
Tài sản cố định vô hình (đồng)	3.400.000.000	3.400.000.000	3.400.000.000
SLCP lưu hành cuối kỳ (cổ phiếu)	42.200.000	42.200.000	42.200.000
<b>Giá trị sổ sách S4A (đồng/cp)</b>	<b>9.754</b>	<b>10.030</b>	<b>10.739</b>

Giá trị sổ sách cổ phiếu S4A tại 31/12/2015 10.739 đồng. Do đó giá trị cổ phiếu của Công ty tham khảo theo Giá trị sổ sách tương ứng là **10.739 đồng/cổ phiếu**.

**b. Phương pháp so sánh Giá trên Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (P/B)**

Giá niêm yết dự kiến được xác định căn cứ giá trị sổ sách của S4A tại thời điểm gần nhất (BV) và số nhân sổ sách tham chiếu của ngành hoặc của nhóm đơn vị tương đương trong ngành (P/B). P/B bình quân được tính dựa trên mức giá đóng cửa và giá trị sổ sách của các công ty thủy điện niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội tại thời điểm xác định.

**Giá trị hợp lý trên cổ phần theo số nhân sổ sách = BV x P/B tham chiếu**

Chỉ số P/B được tính bằng cách chia thị giá của cổ phiếu cho Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty. Chúng tôi sử dụng chỉ số P/B với thị giá cổ phiếu tại thời điểm 31/12/2015, giá trị sổ sách mỗi cổ phiếu được lấy theo số liệu báo cáo kiểm toán hợp nhất của công ty tương ứng tại thời điểm 31/12/2015.

Tên công ty	Mã chứng khoán	Số lượng cổ phiếu lưu hành tại 31/12/2015	Vốn CSH tại 31/12/2015 (tr.đồng)	TSCĐ vô hình tại 31/12/2015 (tr.đồng)	Thị giá tại 31/12/2015 (đồng)	Giá trị sổ sách tại 31/12/2015 (đồng)	P/B
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)= [(4)-(5)]/(3)	(8) = (6)/(7)
CTCP Thủy điện Miền Nam	SHP	93.710.200	1.236.969	2.740	19.000	13.171	1,44
CTCP Thủy điện Thác Mơ	TMP	70.000.000	1.093.681	18.359	29.200	15.362	1,90
CTCP Thủy điện Thác Bà	TBC	63.500.000	842.436	18.330	26.300	12.978	2,03
<b>Giá trị bình quân</b>							<b>1,79</b>
<b>Giá cổ phiếu S4A</b>		<b>=Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phần x P/B tham chiếu = 10.739 x 1,79 = 19.222 đồng</b>					

Giá trị sổ sách trên mỗi cổ phiếu của Công ty tại 31/12/2015 là 10.739 đồng/cổ phiếu. Do đó, giá trị cổ phiếu của Công ty theo phương pháp so sánh P/B là 19.222 đồng/cổ phiếu.

#### Xác định giá dự kiến niêm yết

Phương pháp định giá	Giá trị (đồng/cp)
Giá trị sổ sách	10.739
Phương pháp so sánh P/B	19.222
<b>Bình quân</b>	<b>14.981</b>

Công ty xác định mức giá niêm yết dự kiến là **15.000 đồng/cổ phiếu**.

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Theo Điều 1 Khoản 2 của Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20/7/2012 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại công ty đại chúng như sau: (i) không hạn chế tỷ lệ (trừ khi Điều lệ công ty có quy định khác), (ii) trường hợp điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì theo điều ước quốc tế, (iii) nếu hoạt động của công ty thuộc ngành nghề đầu tư kinh doanh mà pháp luật có quy định tỷ lệ sở hữu nước ngoài thì thực hiện theo quy định tại pháp luật đó, (iv) nếu công ty hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện áp dụng đối với nhà đầu tư nước



ngoài mà chưa có quy định cụ thể về sở hữu của nước ngoài thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa là 49%, (v) công ty hoạt động đa ngành nghề có quy định khác nhau về tỷ lệ sở hữu thì tỷ lệ sở hữu nước ngoài không vượt quá mức thấp nhất trong các ngành nghề (mà công ty đó hoạt động) có quy định về tỷ lệ sở hữu nước ngoài, trừ trường hợp điều ước quốc tế có quy định khác. **Nghị định 60 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/9/2015.** Tỷ lệ nắm giữ của các cổ đông nước ngoài có thể thay đổi theo quy định của pháp luật tại thời điểm tương ứng.

Ở thời điểm hiện tại, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A là 49%. Trong trường hợp thay đổi tỷ lệ sở hữu tối đa của nhà đầu tư nước ngoài tại Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A sẽ do Đại hội đồng cổ đông Công ty quyết định và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông qua.

## 7. Các loại thuế có liên quan

### 7.1. Thuế liên quan đến tổ chức niêm yết

- Thuế GTGT: Áp dụng thuế suất 10% đối với sản phẩm điện thương phẩm.
- Thuế thu nhập doanh nghiệp:
  - Dự án Nhà máy thủy điện Sê San 4A được hưởng mức thuế suất thu nhập doanh nghiệp là 10% trong thời hạn 15 năm kể từ khi dự án đầu tư bắt đầu hoạt động kinh doanh (từ năm 2011 đến năm 2025).
  - Dự án Nhà máy thủy điện Sê San 4A được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 04 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế (từ năm 2011 đến năm 2014) và giảm 50% thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo (từ năm 2015 đến năm 2023);
  - Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất quy định hiện hành.

Những ưu đãi về thuế TNDN trên đây được quy định tại Thông tư số 134/2007/TT-BTC ngày 23/11/2007 về việc hướng dẫn thi hành Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp và theo Giấy chứng nhận đầu tư số 39121000030 ngày 17/07/2007 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Gia Lai.

- Các loại thuế khác và lệ phí nộp theo quy định hiện hành.

### 7.2. Thuế liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán

Theo thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/08/2013 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Nghị định số 65/2013/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân, thì:

- **Thu nhập tính thuế:** Thu nhập tính thuế từ chuyển nhượng chứng khoán được xác định bằng giá bán chứng khoán trừ giá mua, các chi phí liên quan đến việc chuyển nhượng.

Giá bán chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế trên thị trường chứng khoán tại thời điểm bán. Giá thị trường tại thời điểm bán là giá khớp lệnh do Sở giao dịch chứng khoán hoặc Trung tâm giao dịch chứng khoán công bố.
- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng thực tế tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán của các công ty không thuộc các trường hợp trên thì giá bán chứng khoán là giá chuyển nhượng ghi trên hợp đồng chuyển nhượng tại thời điểm bán.
- Trường hợp hợp đồng chuyển nhượng không quy định giá bán chuyển hoặc giá chuyển nhượng trên hợp đồng không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá chuyển nhượng theo quy định của Luật Quản lý thuế và các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật.

Giá mua chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Sở giao dịch chứng khoán, Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán của công ty đại chúng chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán thì giá mua chứng khoán là giá thực tế mua tại Trung tâm giao dịch chứng khoán.
- Đối với chứng khoán mua thông qua đấu giá thì giá mua là giá trúng đấu giá.
- Đối với chứng khoán không thuộc các trường hợp nêu trên: Giá mua chứng khoán là giá ghi trên hợp đồng chuyển nhượng hoặc giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua.
- Trường hợp trên hợp đồng không quy định giá mua hoặc giá mua cao hơn giá theo sổ sách kế toán của đơn vị có chứng khoán tại thời điểm mua không phù hợp với giá thị trường thì cơ quan thuế có quyền ấn định giá mua.

Các chi phí hợp lệ được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với chuyển nhượng chứng khoán là các khoản chi phí thực tế phát sinh của hoạt động chuyển nhượng chứng khoán có hoá đơn, chứng từ theo chế độ quy định, bao gồm:

- Chi phí để làm các thủ tục pháp lý cần thiết cho việc chuyển nhượng;
- Các khoản phí và lệ phí người chuyển nhượng nộp ngân sách nhà nước khi làm thủ tục chuyển nhượng;
- Phí lưu ký chứng khoán theo quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và chứng từ thu của công ty chứng khoán;

- Phí uỷ thác chứng khoán căn cứ vào chứng từ thu của đơn vị nhận uỷ thác;
- Các khoản chi phí khác có chứng từ chứng minh.

➤ **Thuế và cách tính thuế:**

*Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cá nhân áp dụng thuế suất 20% đối với chuyển nhượng chứng khoán phải đáp ứng các yêu cầu sau:*

- Đăng ký phương pháp nộp thuế theo mẫu số 15/ĐK-TNCN với cơ quan thuế trực tiếp quản lý công ty chứng khoán mà cá nhân đăng ký giao dịch hoặc Chi cục Thuế nơi cá nhân cư trú. Thời hạn đăng ký được thực hiện như sau:
  - Năm 2009: cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký từ đầu năm, thời hạn đăng ký chậm nhất là ngày 31/3/2009.
  - Từ năm 2010 trở đi cá nhân kinh doanh chứng khoán phải đăng ký chậm nhất là ngày 31/12 của năm trước.
- Thực hiện đăng ký thuế và có mã số thuế.
- Thực hiện chế độ kế toán hoá đơn chứng từ, xác định được thu nhập tính thuế từ việc chuyển nhượng chứng khoán theo quy định.
- Việc áp dụng thuế suất 20% phải tính trên tổng các loại chứng khoán đã giao dịch trong năm dương lịch.
- Các tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đã đăng ký nộp thuế theo thuế suất 20% vẫn phải tạm nộp thuế theo thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

*Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.*

Các tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

➤ **Thời điểm xác định thu nhập tính thuế**

Thời điểm xác định thu nhập tính thuế từ hoạt động chuyển nhượng chứng khoán được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết là thời điểm Trung tâm giao dịch hoặc Sở giao dịch chứng khoán công bố giá thực hiện.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết nhưng đã thực hiện đăng ký giao dịch tại Trung tâm giao dịch chứng khoán là thời điểm Trung tâm giao dịch công bố giá thực hiện.

- Đối với chứng khoán không thuộc trường hợp nêu trên là thời điểm hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán có hiệu lực. Trường hợp không có hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán thì thời điểm tính thuế là thời điểm đăng ký chuyển tên sở hữu chứng khoán.

## PHẦN 6. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI VIỆC ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT

### TỔ CHỨC TƯ VẤN

#### Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng ĐT&PT Việt Nam (BSC)

**Trụ sở chính** : Tầng 10 – 11, Tháp BIDV, 35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại : (84.4) 39352722 Fax: (84.4) 22200669

Website : [www.bsc.com.vn](http://www.bsc.com.vn)

**Chi nhánh** : Lầu 9, 146 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại : (84.8) 38218886 Fax: (84.8) 38218510

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

#### Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC

**Địa chỉ** : Lô 70-80, Đường 30 Tháng 4, Hải Châu, Đà Nẵng

Điện thoại : (84.511) 3655886 Fax: (84.511) 3655887

Website : [www.aac.com.vn](http://www.aac.com.vn)

## PHẦN 7. PHỤ LỤC

1. Bản sao y Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Bản sao y Giấy phép hoạt động điện lực
3. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.
4. Quy chế quản trị Công ty.
5. Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2016.
6. Nghị quyết và Biên bản ĐHĐCĐ thường niên năm 2015.
7. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2015 (kèm Giấy ủy quyền 2016)
8. Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2014 (kèm Giấy ủy quyền 2015)
9. Tài liệu liên quan khác

Gia Lai, ngày 15. tháng 04 năm 2016

**Đại diện tổ chức đăng ký niêm yết**

**Công ty Cổ phần Thủy điện Sê San 4A**



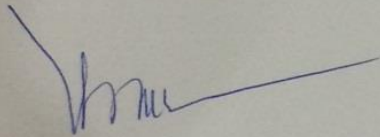
**Nguyễn Sinh**

**Chủ tịch HĐQT**



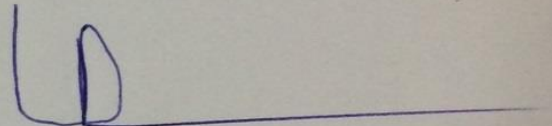
**Nguyễn Bình**

**Tổng Giám đốc**



**Vũ Thị Hậu**

**Kế toán trưởng**



**Lê Văn Thuyết**

**Trưởng Ban Kiểm soát**

**Đại diện tổ chức tư vấn**

**Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam** ✓



**Trần Thị Thu Thanh**

**Phó Tổng Giám đốc**